

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A1	Mai Ngọc Hoài Ân	29.12.2003	KHTN	5	8,8	4,8	6,75	6,25	3,25	21,80	20,35	18,30		18,60	21,80	7,10	Đ	
2	12A1	Nguyễn Huyền Anh	05.11.2003	KHTN	5,5	7,6	5	8	6,5	3,25	22,10	20,60	17,35		18,10	22,10	7,16	Đ	
3	12A1	Nguyễn Phan Ngọc Anh	31.08.2003	KHTN	4,5	8	7,8	6,75	5,75	3,25	20,50	22,55	17,00		20,30	22,55	7,46	Đ	
4	12A1	Nguyễn Quỳnh Anh	23.07.2003	KHTN	5	7,2	7	8	7	3,75	22,20	22,20	17,95		19,20	22,20	7,41	Đ	
5	12A1	Phạm Tâm Anh	28.10.2003	KHTN	5	7,2	4,2	6,25	6	4,25	19,45	17,65	17,45		16,40	19,45	6,73	Đ	
6	12A1	Ngô Thị Ngọc Anh	13.01.2003	KHTN	6,5		5	6	5,75	6,75	17,75	17,00	18,50		17,50	18,50	7,04	Đ	Sai MĐ
7	12A1	Nguyễn Trần Bách	12.12.2003	KHTN	5,5	6,8	3,8	6,75	5,25	2,25	18,80	17,35	14,30		16,10	18,80	6,46	Đ	
8	12A1	Đỗ Xuân Bình	15.02.2003	KHTN	4	7,4	3,2	6,25	5,25	2,5	18,90	16,85	15,15		14,60	18,90	6,18	Đ	
9	12A1	Phạm Huy Bình	19.03.2003	KHTN	4,75	8,4	5	6,75	6,75	3,25	21,90	20,15	18,40		18,15	21,90	6,96	Đ	
10	12A1	Nguyễn Cao Cầu	05.09.2003	KHTN	3,5	9	3,4	7,25	6,25	4,25	22,50	19,65	19,50		15,90	22,50	6,66	Đ	
11	12A1	Hoàng Quỳnh Chi	05.07.2003	KHTN	5	7,8	6	7,25	6,75	4,75	21,80	21,05	19,30		18,80	21,80	7,37	Đ	
12	12A1	Lê Mạnh Cường	18.11.2003	KHTN	3,5	7,2	2,8	7	5,5	2,25	19,70	17,00	14,95		13,50	19,70	6,12	Đ	
13	12A1	Nguyễn Chí Dy Đan	01.01.2003	KHTN	3,5	7,2	3,8	6,25	6,25	1,75	19,70	17,25	15,20		14,50	19,70	6,18	Đ	
14	12A1	Nguyễn Thị Hương Đan	08.04.2003	KHTN	5	9,6	4,6	7,5	7,5	2,25	24,60	21,70	19,35		19,20	24,60	7,30	Đ	
15	12A1	Nguyễn Quang Đạo	23.12.2003	KHTN	5,5	8	4,2	7,25	6,25	2,75	21,50	19,45	17,00		17,70	21,50	6,86	Đ	
16	12A1	Trần Duy Đạt	07.08.2003	KHTN	4	6,4	8	4	6	3,25	16,40	18,40	15,65		18,40	18,40	6,71	Đ	
17	12A1	Lê Thùy Dung	14.05.2003	KHTN	4,5	8	8	6,25	5	2,25	19,25	22,25	15,25		20,50	22,25	7,34	Đ	
18	12A1	Nguyễn Đình Dũng	05.04.2003	KHTN	5,25	7,8	6,8	6,75	6,25	3,25	20,80	21,35	17,30		19,85	21,35	7,35	Đ	
19	12A1	Đào Thị Thùy Dương	11.03.2003	KHTN	5,5	8,2	7,8	7,25	4,75	1,5	20,20	23,25	14,45		21,50	23,25	7,51	Đ	
20	12A1	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	30.12.2003	KHTN	7	8	5	6	6,25	2,5	20,25	19,00	16,75		20,00	20,25	7,26	Đ	
21	12A1	Nguyễn Hương Giang	25.02.2003	KHTN	5	8,4	3,8	5,25	8	8	21,65	17,45	24,40		17,20	24,40	7,12	Đ	
22	12A1	Nguyễn Thị Hà Giang	21.06.2003	KHTN	4,75	8,2	5,6	6,5	6,75	2,75	21,45	20,30	17,70		18,55	21,45	7,17	Đ	
23	12A1	Vũ Ngân Hà	12.07.2003	KHTN	5,5	8,6	7	9	6,75	3,75	24,35	24,60	19,10		21,10	24,60	7,88	Đ	
24	12A1	Phạm Văn Huy	25.12.2003	KHTN	5	9	3,6	8,25	7	2,5	24,25	20,85	18,50		17,60	24,25	6,93	Đ	
25	12A1	Đặng Văn Kiên	05.02.2003	KHTN	6,5	7,4	6,2	5,5	7,5	5	20,40	19,10	19,90		20,10	20,40	7,41	Đ	
26	12A1	Lê Tuấn Kiệt	23.06.2003	KHTN	4,75	8,2	3	4,75	5,75	6,5	18,70	15,95	20,45		15,95	20,45	6,68	Đ	
27	12A1	Nguyễn Thị Lan	23.06.2003	KHTN	6,25	9,2	3,6	6,75	6,5	5,25	22,45	19,55	20,95		19,05	22,45	7,28	Đ	
28	12A1	Nguyễn Thị Linh	07.07.2003	KHTN	4,75	6,8	4,6	5	7,25	5,25	19,05	16,40	19,30		16,15	19,30	6,78	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A1	Nguyễn Thị Phương Linh	17.06.2003	KHTN	5,75	7,2	4,2	6,25	7	5,75	20,45	17,65	19,95		17,15	20,45	7,01	Đ	
30	12A1	Phạm Văn Mạnh	07.01.2003	KHTN	6,75	8,8	7,2	8	6,5	4	23,30	24,00	19,30		22,75	24,00	8,08	Đ	
31	12A1	Nguyễn Văn Mừng	20.01.2003	KHTN	5,75	9	6,4	9	8,75	3	26,75	24,40	20,75		21,15	26,75	7,87	Đ	
32	12A1	Lê Thanh Ngân	04.01.2003	KHTN	4	6,2	4,2	2,5	6,5	5	15,20	12,90	17,70		14,40	17,70	6,21	Đ	
33	12A1	Lê Thị Ngọc	24.11.2003	KHTN	5	8,4	4,2	7,75	6,75	5	22,90	20,35	20,15		17,60	22,90	7,15	Đ	
34	12A1	Lê Thê Phát	25.10.2003	KHTN	4,5	8	5,6	7,5	7,25	1,5	22,75	21,10	16,75		18,10	22,75	7,14	Đ	
35	12A1	Lâm Thị Kim Quý	27.10.2003	KHTN	6	8,8	6,8	6,5	6,25	3	21,55	22,10	18,05		21,60	22,10	7,63	Đ	
36	12A1	Đỗ Văn Quyên	25.12.2003	KHTN	6,75	9	6	8	7,5	3,5	24,50	23,00	20,00		21,75	24,50	7,87	Đ	
37	12A1	Lê Thị Quỳnh	11.04.2003	KHTN	6	7,4	5	5,75	6,5	4	19,65	18,15	17,90		18,40	19,65	7,13	Đ	
38	12A1	Nguyễn Như Quỳnh	03.05.2003	KHTN	5,75	9,4	9,4	7	6,75	4	23,15	25,80	20,15		24,55	25,80	8,32	Đ	
39	12A1	Vũ Đình Sơn	27.06.2003	KHTN	5	7,4	4,4	6	6,75	3,5	20,15	17,80	17,65		16,80	20,15	6,76	Đ	
40	12A1	Nguyễn Xuân Thành	27.11.2003	KHTN	5	9	3,8	6,5	6,75	3	22,25	19,30	18,75		17,80	22,25	7,02	Đ	
41	12A1	Nguyễn Hương Thảo	08.12.2003	KHTN	7,25	8	5,6	6,75	7,5	3	22,25	20,35	18,50		20,85	22,25	7,65	Đ	
42	12A1	Lê Xuân Thực	29.06.2003	KHTN	4,25	8,6	5,8	6,5	6,5	1,5	21,60	20,90	16,60		18,65	21,60	6,95	Đ	
43	12A1	Mai Trọng Tiên	29.09.2003	KHTN	3,5	7,2	2,4	6	6,5	2	19,70	15,60	15,70		13,10	19,70	5,95	Đ	
44	12A1	Phạm Đình Tiên	22.05.2003	KHTN	5	9	6,2	9	7,75	3	25,75	24,20	19,75		20,20	25,75	7,62	Đ	
45	12A1	Lê Thu Trang	30.07.2003	KHTN	8	7,2	8	7	7	5	21,20	22,20	19,20		23,20	23,20	8,16	Đ	
46	12A1	Nguyễn Đăng Trung	17.12.2003	KHTN	4	9,4	3,6	5,75	8,75	8,25	23,90	18,75	26,40		17,00	26,40	7,23	Đ	
47	12A1	Nguyễn Thành Trung	26.12.2003	KHTN	4,5	7,6	5,2	7	6,75	2	21,35	19,80	16,35		17,30	21,35	6,79	Đ	
48	12A1	Nguyễn Huy Việt	24.02.2003	KHTN	6	9	5,6	7	6	3,75	22,00	21,60	18,75		20,60	22,00	7,51	Đ	
49	12A1	Lê Tiên Vũ	02.10.2003	KHTN	5,25	9,8	7,8	7,5	7,5	2,75	24,80	25,10	20,05		22,85	25,10	7,96	Đ	
	12A1 Average				5,19	8,06	5,33	6,70	6,62	3,65	21,38	20,09	18,32		18,58	21,94	7,15		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A2	Lê Thị Kiều Anh	24.06.2003	KHTN	6,00	6,20	4,00	4,50	6,00	2,00	16,70	14,70	14,20		16,20	16,70	6,37	Đ	
2	12A2	Nguyễn Hoàng Anh	11.12.2003	KHTN	4,75	7,60	4,20	6,25	5,75	3,75	19,60	18,05	17,10		16,55	19,60	6,66	Đ	
3	12A2	Nguyễn Kim Hoàng Anh	01.01.2003	KHTN	2,50	8,00	6,80	7,25	5,25	2,25	20,50	22,05	15,50		17,30	22,05	6,76	Đ	
4	12A2	Nguyễn Thị Lan Anh	07.06.2003	KHTN	4,50	8,40	3,20	5,25	6,00	3,50	19,65	16,85	17,90		16,10	19,65	6,49	Đ	
5	12A2	Quách Việt Anh	10.10.2003	KHTN	2,50	6,60	2,80	6,50	6,75	5,25	19,85	15,90	18,60		11,90	19,85	5,91	Đ	
6	12A2	Vũ Trang Anh	08.10.2003	KHTN	2,50	7,80	2,80	4,00	6,00	2,75	17,80	14,60	16,55		13,10	17,80	5,76	Đ	
7	12A2	Phạm Ngọc Anh	11.05.2003	KHTN	4,50	5,80	5,00	3,75	6,00	4,25	15,55	14,55	16,05		15,30	16,05	6,30	Đ	
8	12A2	Mai Đức Đại	26.10.2003	KHTN	4,00	6,40	3,60	4,25	6,25	2,75	16,90	14,25	15,40		14,00	16,90	5,91	Đ	
9	12A2	Lê Tiên Đăng	27.03.2003	KHTN	3,00	8,80	3,80	6,75	6,00	3,25	21,55	19,35	18,05		15,60	21,55	6,44	Đ	
10	12A2	Nguyễn Đình Dương	24.09.2003	KHTN	3,00	7,00	4,80	6,25	7,25	2,75	20,50	18,05	17,00		14,80	20,50	6,32	Đ	
11	12A2	Mai Thúy Hiền	03.03.2003	KHTN	5,25	9,00	5,20	4,50	6,00	2,25	19,50	18,70	17,25		19,45	19,50	6,99	Đ	
12	12A2	Nguyễn Duy Hiền	30.12.2002	KHTN	6,00	6,80	3,80	5,25	6,50	3,50	18,55	15,85	16,80		16,60	18,55	6,60	Đ	
13	12A2	Nguyễn Đình Hiệp	14.08.2003	KHTN	3,50	7,20	3,60	5,25	7,50	4,50	19,95	16,05	19,20		14,30	19,95	6,29	Đ	
14	12A2	Nguyễn Trung Hiếu	11.07.2003	KHTN	4,00	7,00	2,60	4,75	6,75	3,75	18,50	14,35	17,50		13,60	18,50	6,05	Đ	
15	12A2	Vũ Đức Hùng	16.03.2003	KHTN	4,25	6,80	6,60	6,25	2,75	3,00	15,80	19,65	12,55		17,65	19,65	6,51	Đ	
16	12A2	Nguyễn Mai Hương	27.06.2003	KHTN	5,00	8,20	5,00	5,00	5,25	4,25	18,45	18,20	17,70		18,20	18,45	6,93	Đ	
17	12A2	Lê Khánh Huyền	15.07.2003	KHTN	5,25		4,20	4,50	5,50	2,25	16,40	15,10	14,15		15,85	16,40	6,24	Đ	Sai SBD
18	12A2	Nguyễn Hồng Khánh	26.12.2003	KHTN	4,75	8,20	3,80	6,75	6,00	2,75	20,95	18,75	16,95		16,75	20,95	6,62	Đ	
19	12A2	Nguyễn Trọng Khôi	09.03.2003	KHTN	3,50	8,40	4,00	5,50	6,25	3,00	20,15	17,90	17,65		15,90	20,15	6,51	Đ	
20	12A2	Lê Đức Kiên	01.01.2003	KHTN	3,25	6,20	4,20	4,50	6,50	2,75	17,20	14,90	15,45		13,65	17,20	5,91	Đ	
21	12A2	Vũ Mạnh Kiên	26.06.2003	KHTN	5,00	7,00	2,40	4,25	5,75	3,50	17,00	13,65	16,25		14,40	17,00	6,09	Đ	
22	12A2	Lê Quang Lâm	18.11.2003	KHTN	2,50	9,20	3,80	8,50	6,50	4,00	24,20	21,50	19,70		15,50	24,20	6,72	Đ	
23	12A2	Phạm Hoàng Lan	20.04.2003	KHTN	6,75	7,80	4,40	5,25	6,25	3,75	19,30	17,45	17,80		18,95	19,30	7,08	Đ	
24	12A2	Hoàng Thị Liên	03.11.2003	KHTN	5,25	7,60	2,80	5,50	6,50	4,50	19,60	15,90	18,60		15,65	19,60	6,48	Đ	
25	12A2	Nguyễn Ngọc Ly	02.01.2003	KHTN	4,00	6,40	4,60	5,25	5,50	4,25	17,15	16,25	16,15		15,00	17,15	6,34	Đ	
26	12A2	Nguyễn Thị Minh Lý	05.05.2003	KHTN	3,75	5,80	3,40	4,75	4,75	3,50	15,30	13,95	14,05		12,95	15,30	5,86	Đ	
27	12A2	Nguyễn Đăng Minh	12.03.2003	KHTN	5,50	6,80	2,60	6,00	6,25	1,50	19,05	15,40	14,55		14,90	19,05	6,22	Đ	
28	12A2	Nguyễn Trọng Nam	03.12.2003	KHTN	4,00	7,80	2,60	5,00	5,75	1,75	18,55	15,40	15,30		14,40	18,55	6,06	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A2	Trương Nguyễn Hoài Nam	12.07.2003	KHTN	3,00	4,40	4,60	5,50	4,75	3,50	14,65	14,50	12,65		12,00	14,65	5,53	Đ	
30	12A2	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	07.01.2003	KHTN	3,75	7,20	8,60	7,75	6,00	2,75	20,95	23,55	15,95		19,55	23,55	7,37	Đ	
31	12A2	Nguyễn Thị Kim Ngân	06.08.2003	KHTN	5,50	7,00	6,80	3,00	4,25	3,00	14,25	16,80	14,25		19,30	19,30	6,85	Đ	
32	12A2	Quách Thị Tú Ngân	26.10.2003	KHTN	6,25	7,60	9,00	5,50	5,00	2,00	18,10	22,10	14,60		22,85	22,85	7,63	Đ	
33	12A2	Nguyễn Mai Phong	22.09.2003	KHTN	5,50	7,60	4,40	4,75	4,50	3,75	16,85	16,75	15,85		17,50	17,50	6,63	Đ	
34	12A2	Nguyễn Nam Phong	25.02.2003	KHTN	4,50	7,60	3,00	6,75	7,00	3,50	21,35	17,35	18,10		15,10	21,35	6,46	Đ	
35	12A2	Nguyễn Dương Quang	16.07.2003	KHTN	3,75	6,80	2,80	4,75	5,00	1,75	16,55	14,35	13,55		13,35	16,55	5,79	Đ	
36	12A2	Lê Như Quỳnh	21.12.2003	KHTN	5,50	5,00	3,00				16,25	12,50	15,25		13,50	16,25	6,09	Đ	Sai SBD
37	12A2	Nguyễn Thị Thành	07.10.2003	KHTN	4,25	7,40	5,40	7,50	6,75	3,25	21,65	20,30	17,40		17,05	21,65	6,90	Đ	
38	12A2	Lê Phương Thảo	15.04.2003	KHTN	5,25	7,20	3,60	6,25	6,25	5,25	19,70	17,05	18,70		16,05	19,70	6,74	Đ	
39	12A2	Phạm Thị Thảo	11.06.2003	KHTN	6,25	8,40	5,60	7,25	7,25	2,75	22,90	21,25	18,40		20,25	22,90	7,42	Đ	
40	12A2	Nguyễn Thị Thủy	24.03.2003	KHTN	5,00	8,00	4,80	5,50	6,75	4,00	20,25	18,30	18,75		17,80	20,25	6,96	Đ	
41	12A2	Quách Văn Tiến	03.10.2003	KHTN	6,00	7,60	4,40	7,25	7,50	5,25	22,35	19,25	20,35		18,00	22,35	7,04	Đ	
42	12A2	Phạm Hương Trà	09.11.2003	KHTN	4,50	7,80	5,20	4,00	4,75	4,50	16,55	17,00	17,05		17,50	17,50	6,65	Đ	
43	12A2	Đỗ Thị Thu Trang	13.02.2003	KHTN	6,00	9,20	5,00	6,25	6,50	3,25	21,95	20,45	18,95		20,20	21,95	7,34	Đ	
44	12A2	Đỗ Nguyễn Trung	13.08.2003	KHTN	6,25	6,80	5,80	5,50	6,50	5,50	18,80	18,10	18,80		18,85	18,85	7,04	Đ	
45	12A2	Mai Quốc Trung	13.10.2003	KHTN	4,25		5,80	3,50	3,50	1,75	14,80	17,10	13,05		17,85	17,85	6,50	Đ	Sai SBD
46	12A2	Phạm Thanh Tùng	31.08.2003	KHTN	4,00	8,60	3,20	6,50	6,00	2,50	21,10	18,30	17,10		15,80	21,10	6,42	Đ	
47	12A2	Mai Tuấn Việt	08.11.2003	KHTN	4,00	8,40	2,80	7,75	7,25	2,25	23,40	18,95	17,90		15,20	23,40	6,45	Đ	
48	12A2	Nguyễn Thị Hồng Yến	09.06.2003	KHTN	5,00	7,60	3,80	4,25	6,00	2,25	17,85	15,65	15,85		16,40	17,85	6,41	Đ	
	12A2 Average				4,53	7,36	4,34	5,53	5,95	3,28	18,84	17,23	16,59		16,22	19,32	6,51		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A3	Nguyễn Phương Anh	16.03.2003	KHTN	3,75	5,20	3,00	2,00	3,75	3,25	10,95	10,20	12,20		11,95	12,20	5,37	Đ	
2	12A3	Trần Ngọc Anh	17.02.2003	KHTN	5,00	9,00	5,80	4,50	7,25	3,25	20,75	19,30	19,50		19,80	20,75	7,18	Đ	
3	12A3	Trương Công Gia Bảo	11.06.2003	KHTN	4,75	7,60	3,80	5,00	5,75	3,25	18,35	16,40	16,60		16,15	18,35	6,42	Đ	
4	12A3	Lê Thị Ngọc Châm	26.10.2003	KHTN	4,50	8,80	4,60	6,50	6,75	4,25	22,05	19,90	19,80		17,90	22,05	7,02	Đ	
5	12A3	Lê Văn Công	05.01.2003	KHTN	4,50	7,00	2,00	2,00	5,00	2,50	14,00	11,00	14,50		13,50	14,50	5,67	Đ	
6	12A3	Lê Minh Đức	30.09.2003	KHTN	5,25	8,80	3,40	4,25	8,00	7,00	21,05	16,45	23,80		17,45	23,80	7,05	Đ	
7	12A3	Trần Anh Dũng	23.08.2003	KHTN	4,50	8,00	4,60	4,75	8,00	4,50	20,75	17,35	20,50		17,10	20,75	6,72	Đ	
8	12A3	Lưu Thị Hồng Giang	15.11.2003	KHTN	6,00	7,60	5,00	5,75	5,25	5,25	18,60	18,35	18,10		18,60	18,60	6,95	Đ	
9	12A3	Mai Việt Hà	20.11.2003	KHTN	4,00	5,80	5,00	4,25	4,50	3,00	14,55	15,05	13,30		14,80	15,05	6,09	Đ	
10	12A3	Lê Thị Mỹ Hạnh	31.12.2002	KHTN	3,50	6,60	4,60	5,25	5,50	4,25	17,35	16,45	16,35		14,70	17,35	6,14	Đ	
11	12A3	Nguyễn Thúy Hạnh	06.12.2003	KHTN	3,50	8,20	5,00	4,25	6,00	3,00	18,45	17,45	17,20		16,70	18,45	6,57	Đ	
12	12A3	Quách Thị Hồng Hạnh	16.12.2003	KHTN	4,50	7,80	2,60	6,00	6,00	4,50	19,80	16,40	18,30		14,90	19,80	6,41	Đ	
13	12A3	Bùi Thanh Hiền	08.06.2003	KHXX	6,75	5,60	3,20	4,00	5,75	5,75				16,50	15,55	16,50	6,53	Đ	
14	12A3	Nguyễn Thị Minh Hiền	16.08.2003	KHTN	5,00	8,60	4,20	5,75	6,00	3,75	20,35	18,55	18,35		17,80	20,35	6,86	Đ	
15	12A3	Lê Minh Hiệp	17.08.2003	KHTN	4,00	6,60	3,80	3,50	4,25	2,50	14,35	13,90	13,35		14,40	14,40	5,81	Đ	
16	12A3	Tạ Đức Hiếu	27.08.2003	KHTN	4,25	7,00	2,20	4,50	6,25	2,00	17,75	13,70	15,25		13,45	17,75	5,82	Đ	
17	12A3	Trịnh Duy Hiếu	21.09.2003	KHTN	3,50	4,20	3,40	3,00	4,25	3,00	11,45	10,60	11,45		11,10	11,45	5,08	Đ	
18	12A3	Phạm Việt Hoà	19.05.2003	KHTN	4,25	7,80	2,80	4,50	4,25	1,75	16,55	15,10	13,80		14,85	16,55	5,78	Đ	
19	12A3	Lê Huy Hoàng	23.06.2003	KHTN	4,75	7,00	2,20	5,00	6,50	4,00	18,50	14,20	17,50		13,95	18,50	6,01	Đ	
20	12A3	Nguyễn Thu Hương	02.10.2003	KHTN	5,50	8,80	4,60	5,75	5,75	3,25	20,30	19,15	17,80		18,90	20,30	7,01	Đ	
21	12A3	Phạm Mai Hương	23.09.2003	KHTN	5,75	7,20		5,50	5,50	4,25	18,20	19,10	16,95		19,35	19,35	7,06	Đ	Sai SBD
22	12A3	Trịnh Quang Huy	07.03.2003	KHTN	5,50	6,00	3,20	4,75	5,25	4,50	16,00	13,95	15,75		14,70	16,00	6,20	Đ	
23	12A3	Lê Phương Huyền	29.10.2003	KHTN	5,50	7,00	5,00	6,00	6,00	4,75	19,00	18,00	17,75		17,50	19,00	6,85	Đ	
24	12A3	Nguyễn Khắc Việt Khánh	14.12.2003	KHTN	5,00	7,20	3,80	5,00	6,00	3,50	18,20	16,00	16,70		16,00	18,20	6,46	Đ	
25	12A3	Nguyễn Thị Ngọc Lâm	30.04.2003	KHTN	5,50	8,80	3,60	6,75	5,75	3,50	21,30	19,15	18,05		17,90	21,30	6,91	Đ	
26	12A3	Nguyễn Hoàng Tuấn Linh	26.09.2003	KHTN	3,25	6,20	3,40	3,00	3,25	3,75	12,45	12,60	13,20		12,85	13,20	5,58	Đ	
27	12A3	Nguyễn Thị Khánh Linh	26.10.2003	KHTN	6,00	7,80	4,60	4,75	5,25	4,25	17,80	17,15	17,30		18,40	18,40	6,89	Đ	
28	12A3	Nguyễn Thị Mai Loan	21.02.2003	KHTN	6,00	8,20	9,00	5,50	5,00	3,50	18,70	22,70	16,70		23,20	23,20	7,78	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A3	Nguyễn Phúc Lộc	05.11.2003	KHTN	3,75	9,00	2,60	5,50	5,25	2,50	19,75	17,10	16,75		15,35	19,75	6,03	Đ	
30	12A3	Nguyễn Đức Minh	14.06.2003	KHTN	5,00	8,40	3,60	7,75	6,25	2,75	22,40	19,75	17,40		17,00	22,40	6,73	Đ	
31	12A3	Nguyễn Thị Hồng Minh	19.04.2003	KHTN	5,00	9,20	3,60	3,25	6,50	7,00	18,95	16,05	22,70		17,80	22,70	6,96	Đ	
32	12A3	Nguyễn Thị Mỹ	28.11.2003	KHTN	5,25	8,40	3,80	5,75	6,75	4,50	20,90	17,95	19,65		17,45	20,90	6,89	Đ	
33	12A3	Nguyễn Thị Huyền Nga	10.11.2003	KHXX	4,25	5,20	3,20	3,25	6,25	4,00				13,75	12,65	13,75	5,72	Đ	
34	12A3	Vũ Minh Phúc	15.06.2003	KHTN	5,75	8,20	8,20	3,00	7,00	2,75	18,20	19,40	17,95		22,15	22,15	7,49	Đ	
35	12A3	Lê Thanh Phương	01.02.2003	KHTN	5,00	7,00	7,80	5,50	4,25	2,25	16,75	20,30	13,50		19,80	20,30	6,95	Đ	
36	12A3	Hoàng Văn Quân	14.06.2003	KHTN	6,25	5,60	3,00	4,50	5,25	4,50	15,35	13,10	15,35		14,85	15,35	6,12	Đ	
37	12A3	Nguyễn Ngọc Quý	24.03.2003	KHTN	3,25	7,80	5,20	6,25	5,00	3,75	19,05	19,25	16,55		16,25	19,25	6,47	Đ	
38	12A3	Nguyễn Như Quỳnh	15.12.2003	KHTN	5,25	6,20	5,60	4,25	5,75	2,75	16,20	16,05	14,70		17,05	17,05	6,51	Đ	
39	12A3	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	30.09.2003	KHTN	3,25	8,20	4,00	4,75	4,50	3,25	17,45	16,95	15,95		15,45	17,45	6,09	Đ	
40	12A3	Lê Văn Thái	10.12.2003	KHTN	4,25	8,40	4,00	5,00	6,50	1,75	19,90	17,40	16,65		16,65	19,90	6,53	Đ	
41	12A3	Lê Phương Thảo	09.01.2003	KHTN	4,75	6,80	4,80	4,50	5,00	2,75	16,30	16,10	14,55		16,35	16,35	6,27	Đ	
42	12A3	Vương Minh Thi	03.04.2003	KHTN	5,25	8,60	2,60	4,25	5,25	2,75	18,10	15,45	16,60		16,45	18,10	6,22	Đ	
43	12A3	Bùi Thị Thúy	31.03.2003	KHTN	4,25	5,80	6,80	3,00	4,50	3,00	13,30	15,60	13,30		16,85	16,85	6,37	Đ	
44	12A3	Lưu Thị Thu Trang	17.11.2003	KHTN	6,00	8,20	5,80	6,25	7,75	3,50	22,20	20,25	19,45		20,00	22,20	7,30	Đ	
45	12A3	Phạm Bá Việt	30.06.2003	KHTN	4,25	7,00	2,60	5,25	6,00	2,75	18,25	14,85	15,75		13,85	18,25	6,02	Đ	
46	12A3	Phạm Hải Yên	05.12.2003	KHTN	4,50	7,60	3,40	3,00	6,75	4,00	17,35	14,00	18,35		15,50	18,35	6,29	Đ	
	12A3 Average				4,77	7,39	4,25	4,71	5,68	3,62	17,91	16,54	16,71	15,13	16,41	18,42	6,46		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A4	Nguyễn Thị Vân Anh	17.07.2003	KHTN	4,00	8,00	4,00	5,25	4,25	4,00	17,50	17,25	16,25		16,00	17,50	6,43	Đ	
2	12A4	Nguyễn Việt Anh	04.06.2003	KHTN	4,50	8,80	3,60	6,00	6,00	3,25	20,80	18,40	18,05		16,90	20,80	6,72	Đ	
3	12A4	Trịnh Ngọc Anh	07.12.2003	KHXX	3,00		2,80	3,50	4,50	3,50				11,00	8,80	11,00	4,66	H	Sai SBD+MB
4	12A4	Nguyễn Thị Huyền Diệu	21.10.2003	KHTN	6,00	7,60	6,00	5,00	3,25	3,75	15,85	18,60	14,60		19,60	19,60	7,00	Đ	
5	12A4	Nguyễn Minh Diệu	21.09.2003	KHTN	2,50	6,80	3,40	2,25	4,00	3,25	13,05	12,45	14,05		12,70	14,05	5,41	Đ	
6	12A4	Nguyễn Như Đức	04.08.2003	KHXX	6,00	4,00	3,40	7,00	5,50	5,50				18,50	13,40	18,50	6,06	Đ	
7	12A4	Nguyễn Đại Dương	25.05.2003	KHTN	2,75	7,00	6,00	3,25	3,75	2,50	14,00	16,25	13,25		15,75	16,25	6,00	Đ	
8	12A4	Nguyễn Trường Dương	19.12.2003	KHTN	4,75	8,20	2,40	5,50	5,25	4,75	18,95	16,10	18,20		15,35	18,95	6,43	Đ	
9	12A4	Trần Thị Lê Hằng	21.04.2003	KHTN	1,50	7,40	4,20	3,00	4,25	4,00	14,65	14,60	15,65		13,10	15,65	5,64	Đ	
10	12A4	Lê Đại Hiệp	10.10.2003	KHTN	3,50	6,40	2,00				6,40	8,40	6,40		11,90	11,90	4,71	H	
11	12A4	Tổng Mỹ Hoa	18.05.2003	KHXX	6,00	5,00	4,00	4,00	4,00	5,50				14,00	15,00	15,00	6,07	Đ	
12	12A4	Nguyễn Hữu Hoàng	30.05.2003	KHXX	4,75	4,40	3,60	3,50	3,50	4,00				11,75	12,75	12,75	5,41	Đ	
13	12A4	Nguyễn Đức Hưng	05.03.2003	KHTN	6,50	6,80	5,20	6,25	5,50	4,00	18,55	18,25	16,30		18,50	18,55	7,06	Đ	
14	12A4	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	28.12.2003	KHTN	3,00	7,40	5,00	4,00	4,75	5,00	16,15	16,40	17,15		15,40	17,15	6,31	Đ	
15	12A4	Vương Diễm Hương	29.11.2003	KHTN	5,75	6,80	4,40	5,75	5,50	4,75	18,05	16,95	17,05		16,95	18,05	6,74	Đ	
16	12A4	Hoàng Việt Huy	22.12.2003	KHTN	2,00	3,60	4,40	3,25	5,50	2,50	12,35	11,25	11,60		10,00	12,35	5,01	Đ	
17	12A4	Nguyễn Thiện Huy	09.11.2003	KHTN	5,50	4,80	2,60	4,00	4,00	3,50	12,80	11,40	12,30		12,90	12,90	5,59	Đ	
18	12A4	Vũ Thị Ngọc Huyền	29.10.2003	KHTN	5,25	4,20	3,20	4,25	5,50	4,75	13,95	11,65	14,45		12,65	14,45	5,81	Đ	
19	12A4	Đinh Công Nam Khánh	06.05.2003	KHTN	3,25	6,00	4,60	6,25	6,50	3,50	18,75	16,85	16,00		13,85	18,75	6,12	Đ	
20	12A4	Nguyễn Văn Khuyên	06.10.2003	KHTN	2,75	7,00	1,60	5,00	4,75	2,50	16,75	13,60	14,25		11,35	16,75	5,42	Đ	
21	12A4	Lê Hiên Linh	13.03.2003	KHTN	5,75	7,80	4,20	4,50	5,75	2,25	18,05	16,50	15,80		17,75	18,05	6,74	Đ	
22	12A4	Nguyễn Ngọc Linh	17.10.2003	KHTN	4,50	5,60	2,60				14,85	11,95	13,85		12,70	14,85	5,46	Đ	Sai SBD
23	12A4	Nguyễn Thị Linh	14.08.2003	KHXX	5,50	5,60	4,80	5,75	5,75	6,75				17,00	15,90	17,00	6,66	Đ	
24	12A4	Tạ Hương Ly	29.08.2003	KHTN	3,25	7,40	3,80	5,75	6,50	3,00	19,65	16,95	16,90		14,45	19,65	6,32	Đ	
25	12A4	Nguyễn Bá Mạnh	16.10.2003	KHTN	4,50	8,00	4,20	3,25	4,75	3,75	16,00	15,45	16,50		16,70	16,70	6,27	Đ	
26	12A4	Nguyễn Đức Minh	06.05.2003	KHXX	6,00	6,40	2,80	4,50	8,00	4,75				18,50	15,20	18,50	6,39	Đ	
27	12A4	Hồ Hữu Nam	08.08.2003	KHTN	4,50	6,20	3,60	5,75	6,50	2,50	18,45	15,55	15,20		14,30	18,45	5,96	Đ	
28	12A4	Phạm Đức Nam	27.10.2003	KHTN	3,00	5,60	2,60	2,75	5,75	4,25	14,10	10,95	15,60		11,20	15,60	5,36	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A4	Hoàng Trọng Nghĩa	24.02.2003	KHTN	4,50	5,80	4,40	5,00	4,75	3,00	15,55	15,20	13,55		14,70	15,55	6,10	Đ	
30	12A4	Mai Trung Phong	11.08.2003	KHXX	2,00	4,60	5,00	4,25	2,75	4,50				9,00	11,60	11,60	5,33	Đ	
31	12A4	Lê Văn Phúc	13.02.2003	KHTN	4,00	8,00	3,20	3,75	4,75	4,00	16,50	14,95	16,75		15,20	16,75	6,14	Đ	
32	12A4	Tô Anh Quân	28.06.2003	KHXX	4,00	6,40	5,60	3,00	5,50	6,00				12,50	16,00	16,00	6,31	Đ	
33	12A4	Nguyễn Đức Quang	20.10.2003	KHTN	4,00	5,00	2,60	3,75	4,25	3,50	13,00	11,35	12,75		11,60	13,00	5,36	Đ	
34	12A4	Nguyễn Tiên Sơn	02.01.2003	KHTN	4,75	7,20	3,40	5,00	6,00	4,25	18,20	15,60	17,45		15,35	18,20	6,30	Đ	
35	12A4	Phạm Bá Sơn	15.12.2003	KHXX	3,25	5,00	4,00	4,25	5,00	5,75				12,50	12,25	12,50	5,71	Đ	
36	12A4	Nguyễn Tiên Tài	19.10.2003	KHTN	4,00	6,80	2,00	5,75	4,75	3,50	17,30	14,55	15,05		12,80	17,30	5,75	Đ	
37	12A4	Nguyễn Hữu Tân	23.03.2003	KHTN	3,00	8,00	3,00	5,00	4,75	3,50	17,75	16,00	16,25		14,00	17,75	5,91	Đ	
38	12A4	Nguyễn Tiên Thái	09.09.2002	KHXX	4,25	5,40	4,80	2,50	2,50	4,50				9,25	14,45	14,45	5,74	Đ	
39	12A4	Nguyễn Lương Thắng	10.11.2003	KHXX	3,75	4,80	3,00	3,25	4,25	6,00				11,25	11,55	11,55	5,41	Đ	
40	12A4	Lê Thị Thanh Thảo	03.12.2003	KHTN	5,50	8,00	5,00	4,75	5,50	3,00	18,25	17,75	16,50		18,50	18,50	6,97	Đ	
41	12A4	Đào Bá Thọ	13.12.2003	KHTN	3,50	8,60	3,60	5,25	6,75	2,75	20,60	17,45	18,10		15,70	20,60	6,33	Đ	
42	12A4	Lâm Huyền Trang	22.02.2003	KHTN	4,75	6,20	2,80	4,75	6,75	4,75	17,70	13,75	17,70		13,75	17,70	6,16	Đ	
43	12A4	Nguyễn Thị Trang	10.02.2003	KHTN	5,00	8,60	4,00	6,25	6,00	2,50	20,85	18,85	17,10		17,60	20,85	6,84	Đ	
44	12A4	Phạm Thu Trang	14.12.2003	KHTN	6,25	7,40	5,60	5,75	5,75	5,75	18,90	18,75	18,90		19,25	19,25	7,25	Đ	
45	12A4	Nguyễn Minh Trí	11.04.2003	KHTN	6,25	7,40	4,00	5,00	5,75	5,00	18,15	16,40	18,15		17,65	18,15	6,85	Đ	
46	12A4	Nguyễn Đức Trọng	24.05.2003	KHTN	2,25	4,80	2,20	1,75	6,50	3,75	13,05	8,75	15,05		9,25	15,05	4,89	H	
47	12A4	Tạ Quang Trường	23.10.2003	KHTN	3,00	7,80	5,00	3,75	6,00	2,75	17,55	16,55	16,55		15,80	17,55	6,15	Đ	
48	12A4	Lê Khánh Tùng	29.09.2003	KHTN	3,25	4,40	2,20	2,75	5,00	2,75	12,15	9,35	12,15		9,85	12,15	4,97	H	
	12A4 Average				4,20	6,38	3,76	4,44	5,15	3,96	16,36	14,89	15,44	13,20	14,33	16,34	6,00		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A5	Mai Xuân An	14.06.2003	KHTN	4,00	6,80	5,20	3,50	6,75	3,75	17,05	15,50	17,30		16,00	17,30	6,43	Đ	
2	12A5	Lê Thị Huyền Anh	22.08.2003	KHTN	4,25	7,20	4,80	6,75	6,25	3,25	20,20	18,75	16,70		16,25	20,20	6,63	Đ	
3	12A5	Nguyễn Thị Vân Anh	30.07.2003	KHXXH	5,75	6,80	3,20	5,50	5,75	6,00				17,00	15,75	17,00	6,51	Đ	
4	12A5	Nguyễn Thủy Bình	06.04.2003	KHXXH	7,00	7,40	6,00	3,00	4,75	6,75				14,75	20,40	20,40	7,20	Đ	
5	12A5	Quách Tuấn Đạt	01.05.2003	KHTN	5,25	5,40	3,20	4,50	6,25	3,00	16,15	13,10	14,65		13,85	16,15	6,16	Đ	
6	12A5	Nguyễn Văn Đức	19.06.2003	KHTN	3,50	6,00	3,20	5,00	6,75	4,75	17,75	14,20	17,50		12,70	17,75	5,88	Đ	
7	12A5	Quách Thị Hương Giang	23.06.2003	KHTN	5,00	7,60	7,80	4,25	6,75	2,25	18,60	19,65	16,60		20,40	20,40	7,33	Đ	
8	12A5	Nguyễn Anh Giỏi	02.01.2003	KHTN	3,50	6,80	4,60	4,75	3,75	3,25	15,30	16,15	13,80		14,90	16,15	5,95	Đ	
9	12A5	Nguyễn Như Hải	01.10.2003	KHTN	5,00	6,00	4,00	3,25	4,75	4,00	14,00	13,25	14,75		15,00	15,00	5,99	Đ	
10	12A5	Nguyễn Thu Hằng	16.12.2003	KHXXH	6,25	4,40	4,80	3,00	4,50	5,25				13,75	15,45	15,45	6,14	Đ	
11	12A5	Nguyễn Như Tô Hoài	14.01.2003	KHTN	4,50	6,40	3,20	4,00	4,75	3,50	15,15	13,60	14,65		14,10	15,15	5,99	Đ	
12	12A5	Lê Huy Hoàng	06.10.2003	KHXXH	4,00	5,60	3,60	4,00	3,50	5,25				11,50	13,20	13,20	5,68	Đ	
13	12A5	Nguyễn Văn Huy	18.01.2003	KHTN	4,50	7,20	4,00	4,50	5,75	5,00	17,45	15,70	17,95		15,70	17,95	6,45	Đ	
14	12A5	Quách Văn Huy	18.02.2003	KHTN	6,25	7,00	7,60	5,00	4,50	4,25	16,50	19,60	15,75		20,85	20,85	7,38	Đ	
15	12A5	Hoàng Trung Kiên	01.10.2003	KHTN	6,00	6,20	3,40	5,00	5,50	2,50	16,70	14,60	14,20		15,60	16,70	6,12	Đ	
16	12A5	Nguyễn Mạnh Kiên	11.04.2003	KHTN	5,25	7,80	6,80	5,25	5,50	3,75	18,55	19,85	17,05		19,85	19,85	7,22	Đ	
17	12A5	Nguyễn Trung Kiên	21.02.2003	KHTN	2,75	6,20	6,60	4,25	2,50	2,50	12,95	17,05	11,20		15,55	17,05	6,07	Đ	
18	12A5	Phạm Trung Kiên	15.03.2003	KHXXH	6,00	8,00	5,20	8,25	5,75	5,75				20,00	19,20	20,00	7,38	Đ	
19	12A5	Đào Thị Diệu Linh	17.08.2003	KHTN	5,75	7,40	6,60	6,50	6,25	6,50	20,15	20,50	20,15		19,75	20,50	7,42	Đ	
20	12A5	Lê Thị Khánh Linh	28.10.2003	KHTN	6,00	7,40	4,80	5,50	5,50	3,50	18,40	17,70	16,40		18,20	18,40	6,90	Đ	
21	12A5	Lê Tuấn Linh	31.12.2003	KHTN	3,25	7,20	7,20	4,75	5,00	4,50	16,95	19,15	16,70		17,65	19,15	6,61	Đ	
22	12A5	Nguyễn Nhật Linh	18.10.2003	KHTN	4,00	7,00	7,00	4,75	4,25	5,75	16,00	18,75	17,00		18,00	18,75	6,85	Đ	
23	12A5	Lê Thị Phương Loan	01.12.2003	KHTN	4,75	6,60	4,00	5,25	6,50	3,75	18,35	15,85	16,85		15,35	18,35	6,40	Đ	
24	12A5	Lê Hoàng Long	29.10.2003	KHXXH	3,25	4,80	3,20	4,25	4,25	5,00				11,75	11,25	11,75	4,97	H	
25	12A5	Nguyễn Trang Ly	30.03.2003	KHXXH	4,50	4,00	4,00	4,25	4,75	3,50				13,50	12,50	13,50	5,61	Đ	
26	12A5	Bạch Phương Mai	25.06.2003	KHTN	6,25	5,40	4,40	3,50	5,00	2,50	13,90	13,30	12,90		16,05	16,05	6,20	Đ	
27	12A5	Nguyễn Gia Nam	10.08.2003	KHXXH	3,75	2,80	2,00	3,75	4,00	4,75				11,50	8,55	11,50	4,86	H	
28	12A5	Lê Quỳnh Nga	06.02.2003	KHXXH	6,00	4,60	8,00	3,75	5,50	5,75				15,25	18,60	18,60	6,97	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A5	Lê Thị Hồng Ngọc	22.02.2003	KHXXH	6,75	5,20	8,00	7,50	6,25	6,00				20,50	19,95	20,50	7,48	Đ	
30	12A5	Nguyễn Thị Ngọc	03.11.2003	KHTN	6,25	7,80	8,40	5,75	5,50	4,00	19,05	21,95	17,30		22,45	22,45	7,78	Đ	
31	12A5	Nguyễn Xuân Nhân	28.01.2003	KHTN	4,25	6,80	6,40	4,25	5,00	4,50	16,05	17,45	16,30		17,45	17,45	6,67	Đ	
32	12A5	Phạm Thị Tuyết Nhung	07.04.2003	KHXXH	5,00	6,40	6,40	6,25	5,75	7,75				17,00	17,80	17,80	7,14	Đ	
33	12A5	Phan Xuân Phú	05.08.2003	KHTN	4,50	4,60	6,20	6,00	5,50	4,00	16,10	16,80	14,10		15,30	16,80	6,33	Đ	
34	12A5	Lê Thị Hà Phương	26.09.2003	KHTN	7,50	7,60	6,80	5,25	4,50	3,75	17,35	19,65	15,85		21,90	21,90	7,52	Đ	
35	12A5	Nghiêm Thị Phương	12.07.2003	KHTN	5,75	6,00	6,00	5,50	3,00	2,50	14,50	17,50	11,50		17,75	17,75	6,50	Đ	
36	12A5	Nguyễn Thu Phương	19.06.2003	KHTN	5,00	7,00	5,80	4,00	5,50	3,50	16,50	16,80	16,00		17,80	17,80	6,68	Đ	
37	12A5	Nguyễn Thị Hồng Quý	10.02.2003	KHXXH	4,00	5,60	6,80	5,00	4,50	5,00				13,50	16,40	16,40	6,53	Đ	
38	12A5	Mai Phương Thanh	26.10.2003	KHXXH	7,00	6,40	8,80	4,50	5,75	6,25				17,25	22,20	22,20	7,63	Đ	
39	12A5	Lê Văn Thiện	03.03.2003	KHTN	3,75	6,60	8,00	5,25	5,50	3,50	17,35	19,85	15,60		18,35	19,85	6,82	Đ	
40	12A5	Trang Thị Thủy	14.06.2003	KHXXH	3,50	7,20	8,20	5,00	5,75	7,50				14,25	18,90	18,90	7,27	Đ	
41	12A5	Đào Bá Tiến	12.06.2003	KHTN	5,00	8,00	5,00	6,00	7,25	4,50	21,25	19,00	19,75		18,00	21,25	7,06	Đ	
42	12A5	Phạm Minh Tiến	04.12.2003	KHTN	4,50	8,00	6,60	6,25	5,75	3,75	20,00	20,85	17,50		19,10	20,85	7,16	Đ	
43	12A5	Nguyễn Đức Trung	19.08.2003	KHXXH	3,00	3,60	4,00	3,00	4,75	5,50				10,75	10,60	10,75	5,23	Đ	
44	12A5	Lê Mạnh Tú	01.11.2003	KHTN	6,00	7,60	4,40	5,75	5,25	3,00	18,60	17,75	15,85		18,00	18,60	6,87	Đ	
45	12A5	Nguyễn Huy Tuấn	01.04.2003	KHTN	4,75	5,20	3,40	5,00	4,00	4,25	14,20	13,60	13,45		13,35	14,20	5,80	Đ	
46	12A5	Nguyễn Văn Tuấn	07.01.2003	KHXXH	4,00	6,20	4,40	3,50	2,25	5,75				9,75	14,60	14,60	5,86	Đ	
47	12A5	Nguyễn Duy Văn	19.09.2003	KHTN	5,25	5,20	3,20	3,75	6,00	3,00	14,95	12,15	14,20		13,65	14,95	5,73	Đ	
48	12A5	Phạm Văn Vinh	09.10.2003	KHTN	5,75	7,40	5,40	4,25	4,75	4,75	16,40	17,05	16,90		18,55	18,55	6,89	Đ	
49	12A5	Nguyễn Thị Hải Yên	15.01.2003	KHXXH	5,00	6,20	5,00	4,25	6,50	6,75				15,75	16,20	16,20	6,67	Đ	
	12A5 Average				4,95	6,34	5,42	4,82	5,18	4,48	16,95	17,08	15,83	14,57	16,71	17,61	6,55		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A6	Nguyễn Khắc Tú Anh	26.02.2003	KHTN	3,50	6,40	4,20	4,50	5,50	4,25	16,40	15,10	16,15		14,10	16,40	6,14	Đ	
2	12A6	Nguyễn Thị Kiều Anh	04.06.2003	KHXXH	4,75	6,20	3,20	3,75	5,50	6,00				14,00	14,15	14,15	6,03	Đ	
3	12A6	Lê Hải Đăng	16.10.2003	KHTN		3,60	2,20	2,50	5,00	2,25	11,10	8,30	10,85		5,80	11,10	4,09	H	
4	12A6	Trần Văn Đạt	04.01.2003	KHXXH	3,50	4,60	5,60	5,75	6,50	6,00				15,75	13,70	15,75	6,00	Đ	
5	12A6	Nguyễn Năng Diệp	06.05.2003	KHTN	3,50	7,00	2,00	2,25	2,50	3,25	11,75	11,25	12,75		12,50	12,75	5,19	Đ	
6	12A6	Nguyễn Anh Dương	05.02.2003	KHXXH	3,75	4,20	2,40	4,75	5,75	4,00				14,25	10,35	14,25	5,32	Đ	
7	12A6	Phạm Đức Giang	01.07.2003	KHXXH	4,50	7,20	5,20	6,25	6,50	5,00				17,25	16,90	17,25	6,86	Đ	
8	12A6	Nguyễn Thị Thu Hiền	02.12.2003	KHTN	2,25	4,60	2,60	2,50	5,25	2,50	12,35	9,70	12,35		9,45	12,35	5,03	Đ	
9	12A6	Hoàng Xuân Hiếu	04.05.2003	KHTN	2,50	6,80	4,00	1,50	5,25	4,00	13,55	12,30	16,05		13,30	16,05	5,55	Đ	
10	12A6	Lê Hữu Hoàng	09.11.2003	KHTN	4,50	7,60	3,00				20,60	16,35	17,35		15,10	20,60	6,30	Đ	Sai SBD
11	12A6	Đỗ Thị Mai Hồng	04.06.2003	KHXXH	6,75	6,80	4,80	3,25	5,25	6,50				15,25	18,35	18,35	6,96	Đ	
12	12A6	Nguyễn Huy Hùng	01.06.2003	KHTN	2,75	3,60	2,80	3,00	3,75	2,25	10,35	9,40	9,60		9,15	10,35	4,73	H	
13	12A6	Trần Ngọc Hưng	08.11.2003	KHTN	3,00	4,80	4,00	4,25	6,00	3,25	15,05	13,05	14,05		11,80	15,05	5,45	Đ	
14	12A6	Trần Phúc Hưng	13.10.2003	KHTN	2,50	5,20	5,80				14,95	15,75	14,20		13,50	15,75	5,76	Đ	Sai SBD
15	12A6	Hoàng Thị Thu Hương	06.10.2003	KHXXH	7,25	6,60	4,60	5,25	6,75	6,50				19,25	18,45	19,25	7,09	Đ	
16	12A6	Lê Diệu Hương	04.10.2003	KHTN	2,75	4,00	3,60	2,00	3,25	3,00	9,25	9,60	10,25		10,35	10,35	4,86	H	
17	12A6	Nguyễn Thị Huyền	15.11.2003	KHTN	4,50	7,00	4,00	5,50	6,00	4,00	18,50	16,50	17,00		15,50	18,50	6,43	Đ	
18	12A6	Nguyễn Tuấn Khôi	19.05.2003	KHTN	1,50	4,80	3,00	5,25	6,00	2,50	16,05	13,05	13,30		9,30	16,05	4,97	H	
19	12A6	Nguyễn Tùng Lâm	30.07.2003	KHTN	3,00	5,80	3,20	4,50	4,75	4,25	15,05	13,50	14,80		12,00	15,05	5,58	Đ	
20	12A6	Đặng Khánh Linh	04.12.2003	KHXXH	4,25	4,40	2,40	4,25	4,25	6,00				12,75	11,05	12,75	5,41	Đ	
21	12A6	Lê Văn Linh	28.10.2003	KHTN	2,25	4,20	2,20	2,75	5,25	4,00	12,20	9,15	13,45		8,65	13,45	4,93	H	
22	12A6	Bùi Thị Mai	14.10.2003	KHTN	5,00	7,00	6,00	3,50	6,00	3,75	16,50	16,50	16,75		18,00	18,00	6,70	Đ	
23	12A6	Nguyễn Thị Minh	30.08.2003	KHTN	5,00	6,40	3,00	6,25	6,25	4,00	18,90	15,65	16,65		14,40	18,90	6,29	Đ	
24	12A6	Quách Hoài Nam	18.02.2003	KHTN	2,25	5,60	2,00	3,25	4,50	4,00	13,35	10,85	14,10		9,85	14,10	5,16	Đ	
25	12A6	Mai Thị Nguyệt Nga	09.08.2003	KHXXH	2,25	2,80	2,60	4,50	3,75	5,75				10,50	7,65	10,50	4,58	H	
26	12A6	Phạm Thị Nguyệt	20.11.2003	KHTN	4,75	8,20	4,60	5,25	5,25	3,25	18,70	18,05	16,70		17,55	18,70	6,68	Đ	
27	12A6	Quách Văn Sơn	23.06.2003	KHTN	2,75	7,80	5,20	6,75	6,00	3,50	20,55	19,75	17,30		15,75	20,55	6,54	Đ	
28	12A6	Trần Văn Quốc Tấn	18.08.2003	KHTN	4,75	6,20	3,80	3,75	5,00	3,25	14,95	13,75	14,45		14,75	14,95	5,97	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A6	Vũ Đức Thiện	08.05.2003	KHTN	2,00	6,40	3,80	3,75	5,75	3,00	15,90	13,95	15,15		12,20	15,90	5,67	Đ	
30	12A6	Kiều Thu Thủy	04.05.2003	KHXX	2,50	5,00	4,20	3,75	4,50	5,50				10,75	11,70	11,70	5,54	Đ	
31	12A6	Nguyễn Thị Thu Thủy	20.07.2003	KHXX	2,00	5,60	4,40	3,00	4,25	5,25				9,25	12,00	12,00	5,40	Đ	
32	12A6	Lê Văn Tiên	10.10.2003	KHTN	3,25	8,00	2,80	3,75	5,00	3,00	16,75	14,55	16,00		14,05	16,75	5,80	Đ	
33	12A6	Vũ Mạnh Tiên	18.08.2003	KHTN	4,50	8,00	3,40	5,25	5,50	3,00	18,75	16,65	16,50		15,90	18,75	6,39	Đ	
34	12A6	Lê Thị Ngọc Trâm	13.01.2003	KHXX	6,50	7,00	2,80	5,50	5,25	5,75				17,25	16,30	17,25	6,66	Đ	
35	12A6	Nguyễn Thu Trang	14.10.2003	KHTN	5,50	6,00	4,60	2,75	3,00	4,25	11,75	13,35	13,25		16,10	16,10	6,12	Đ	
36	12A6	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	17.04.2003	KHXX	6,00	5,40	2,80	4,00	3,75	4,25				13,75	14,20	14,20	5,94	Đ	
37	12A6	Lê Quang Trường	03.11.2003	KHTN	2,75	7,20	2,40	3,25	4,25	3,00	14,70	12,85	14,45		12,35	14,70	5,34	Đ	
38	12A6	Mai Văn Tú	02.01.2003	KHTN	4,50	5,80	5,40	4,25	6,50	4,50	16,55	15,45	16,80		15,70	16,80	6,48	Đ	
39	12A6	Vũ Ngọc Tú	29.01.2003	KHTN	3,50	5,40	3,60	2,50	5,25	2,25	13,15	11,50	12,90		12,50	13,15	5,46	Đ	
40	12A6	Lê Quốc Tuấn	28.07.2003	KHXX	5,50	5,80	3,60	6,00	5,50	5,75				17,00	14,90	17,00	6,39	Đ	
41	12A6	Phạm Thanh Tuấn	10.11.2003	KHXX	3,00	4,60	2,80	4,25	5,25	5,00				12,50	10,40	12,50	5,42	Đ	
42	12A6	Nguyễn Quốc Việt	21.07.2003	KHXX	4,50	5,00	1,40	3,50	3,75	5,75				11,75	10,90	11,75	5,18	Đ	
43	12A6	Nguyễn Tuấn Việt	27.10.2003	KHTN	3,50	6,00	2,00	4,00	5,75	2,75	15,75	12,00	14,50		11,50	15,75	5,28	Đ	
	12A6 Average				3,80	5,83	3,53	4,12	5,15	4,10	15,12	13,49	14,56	14,08	13,07	15,25	5,76		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A7	Nguyễn Hà Anh	12.09.2003	KHXXH	5,75	6,40	4,60	5,00	4,50	7,00				15,25	16,75	16,75	6,52	Đ	
2	12A7	Phạm Phương Anh	02.02.2003	KHTN	5,00	5,80	4,00	3,75	5,75	4,00	15,30	13,55	15,55		14,80	15,55	6,16	Đ	
3	12A7	Vũ Thị Anh	06.03.2003	KHXXH	4,75	4,20	3,00	5,50	6,25	6,25				16,50	11,95	16,50	5,71	Đ	
4	12A7	Quách Thị Anh	19.07.2003	KHXXH	5,75	6,40	3,60	3,00	4,75	7,50				13,50	15,75	15,75	6,34	Đ	
5	12A7	Lê Quốc Bảo	03.07.2003	KHTN	3,50	7,60	3,00	5,25	6,50	3,00	19,35	15,85	17,10		14,10	19,35	6,05	Đ	
6	12A7	Nguyễn Đình Xuân Chiến	31.08.2003	KHTN	3,00	7,00	3,20	3,25	4,75	3,75	15,00	13,45	15,50		13,20	15,50	5,72	Đ	
7	12A7	Lê Hạnh Chinh	25.10.2003	KHXXH	5,25	7,40	5,40	5,50	6,00	5,00				16,75	18,05	18,05	6,75	Đ	
8	12A7	Nguyễn Thị Chuyên	08.09.2003	KHXXH	4,50	3,80	1,60	3,00	2,75	3,75				10,25	9,90	10,25	4,83	H	
9	12A7	Nguyễn Thị Đào	01.07.2003	KHTN	6,00		2,80	5,00	5,75	3,75	19,35	16,40	18,10		17,40	19,35	6,73	Đ	Sai MĐ
10	12A7	Lê Tiên Đạt	09.09.2003	KHXXH	3,50	5,60	3,00	4,75	4,00	4,00				12,25	12,10	12,25	5,46	Đ	
11	12A7	Nguyễn Tiên Đức	19.05.2003	KHXXH	4,00	2,40	2,20	5,25	3,75	4,75				13,00	8,60	13,00	4,61	H	
12	12A7	Đào Quang Duy	09.08.2003	KHXXH	5,25	3,80	2,80	7,00	7,25	5,50				19,50	11,85	19,50	5,77	Đ	
13	12A7	Hoàng Tuấn Duy	17.08.2003	KHTN	5,00	6,80	3,00	3,50	4,75	2,50	15,05	13,30	14,05		14,80	15,05	6,00	Đ	
14	12A7	Hoàng Thị Hương Giang	23.06.2003	KHTN	2,75	4,20	3,80	3,75	6,00	3,00	13,95	11,75	13,20		10,75	13,95	5,26	Đ	
15	12A7	Nguyễn Thị Thu Hà	26.02.2003	KHXXH	4,25	3,00	3,00	4,00	4,75	3,75				13,00	10,25	13,00	5,06	Đ	
16	12A7	Lê Thị Thúy Hằng	31.10.2003	KHTN	4,50	4,40	3,40	2,00	3,00	3,75	9,40	9,80	11,15		12,30	12,30	5,38	Đ	
17	12A7	Hoàng Thúy Hiền	24.12.2003	KHTN	2,00		2,40	3,00	4,50	3,25	13,70	11,60	13,95		10,60	13,95	5,17	Đ	Sai SBD
18	12A7	Lê Công Hiệp	13.08.2003	KHTN	4,50	5,60	3,80	4,50	5,50	4,25	15,60	13,90	15,35		13,90	15,60	6,01	Đ	
19	12A7	Nguyễn Thị Hoa	17.04.2003	KHXXH	3,00	4,20	3,00	2,75	3,75	3,75				9,50	10,20	10,20	4,83	H	
20	12A7	Lê Thị Huê	21.06.2003	KHTN	5,50	8,80	4,20	5,25	5,00	5,50	19,05	18,25	19,30		18,50	19,30	7,06	Đ	
21	12A7	Mai Hoàng Lan	02.11.2003	KHTN	5,25	4,40	3,20	3,25	4,00	3,50	11,65	10,85	11,90		12,85	12,85	5,33	Đ	
22	12A7	Lê Thị Huyền Linh	31.10.2003	KHTN	6,00	7,40	5,00	5,75	6,50	5,00	19,65	18,15	18,90		18,40	19,65	7,19	Đ	
23	12A7	Nguyễn Thị Thùy Linh	14.02.2003	KHXXH	6,50	6,20	2,80	3,75	3,75	4,50				14,00	15,50	15,50	5,95	Đ	
24	12A7	Quách Thị Diệu Linh	10.08.2002	KHTN	5,50	5,80	3,60	3,50	6,50	3,75	15,80	12,90	16,05		14,90	16,05	6,16	Đ	
25	12A7	Đào Quang Lợi	08.07.2003	KHXXH	1,25	4,00	2,80	4,25	4,75	3,50				10,25	8,05	10,25	4,59	H	
26	12A7	Nguyễn Đức Long	21.08.2003	KHXXH	4,25	5,00	2,60	5,50	6,25	5,75				16,00	11,85	16,00	5,66	Đ	
27	12A7	Trần Thúy Nga	07.02.2003	KHXXH	6,50	5,00	4,00	5,00	4,50	6,50				16,00	15,50	16,00	6,34	Đ	
28	12A7	Lê Thị Thúy Ngân	07.10.2003	KHXXH	4,75	3,80	3,00	4,75	5,75	5,75				15,25	11,55	15,25	5,63	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A7	Nguyễn Thị Kim Ngân	17.08.2003	KHXXH	7,75	3,80	3,40	4,25	4,25	6,75				16,25	14,95	16,25	6,26	Đ	
30	12A7	Vũ Đức Nghĩa	15.11.2003	KHXXH	1,50	0,00	0,00	3,50	3,00	4,00				8,00	1,50	8,00	3,18	H	Bỏ thi Toán, Anh
31	12A7	Nguyễn Long Nhật	15.06.2003	KHXXH	3,00	4,20	3,00	5,00	4,75	5,25				12,75	10,20	12,75	5,20	Đ	
32	12A7	Quách Đức Sơn	22.11.2003	KHTN	3,75	5,40	3,40	4,00	6,75	3,00	16,15	12,80	15,15		12,55	16,15	5,60	Đ	
33	12A7	Lê Hoàng Anh Thái	03.04.2002	KHXXH	4,00	1,80	2,60	3,75	3,50	3,75				11,25	8,40	11,25	4,59	H	
34	12A7	Lê Thị Thảo	01.10.2003	KHXXH	5,25	5,80	3,80	3,50	4,00	4,50				12,75	14,85	14,85	6,02	Đ	
35	12A7	Nguyễn Thị Thanh Thư	20.09.2003	KHTN	3,75	7,20	4,60	4,50	4,50	3,25	16,20	16,30	14,95		15,55	16,30	6,19	Đ	
36	12A7	zzzzzzzzzz	24.12.2003	KHXXH															chuyển P25
36	12A7	Quách Đức Thùy	24.12.2003	KHTN	3,75	7,20	2,60	3,25	5,25	3,00	15,70	13,05	15,45		13,55	15,70	5,76	Đ	Từ P11 sang
37	12A7	Đới Xuân Tiên	26.07.2003	KHXXH	3,25	5,60	5,20	2,25	2,25	6,50				7,75	14,05	14,05	5,52	Đ	
38	12A7	Nguyễn Nhật Bảo Trâm	09.07.2003	KHTN	3,50	6,20	4,60	2,50	3,75	3,25	12,45	13,30	13,20		14,30	14,30	5,63	Đ	
39	12A7	Lương Thị Thu Trang	08.03.2003	KHTN	4,50	5,00	3,80	5,75	5,25	2,50	16,00	14,55	12,75		13,30	16,00	5,87	Đ	
40	12A7	Nguyễn Đức Trường	08.04.2003	KHTN	3,50	6,20	3,60	3,75	4,50	3,50	14,45	13,55	14,20		13,30	14,45	5,55	Đ	
41	12A7	Nguyễn Xuân Trường	25.07.2003	KHTN	4,00	8,00	3,80	4,25	4,00	3,25	16,25	16,05	15,25		15,80	16,25	5,98	Đ	
42	12A7	Nguyễn Đình Tú	11.08.2003	KHXXH	3,50	6,40	5,40	5,00	7,25	7,00				15,75	15,30	15,75	6,34	Đ	
43	12A7	Nguyễn Hữu Tú	25.09.2003	KHTN	4,25	8,20	3,60	5,75	4,00	2,75	17,95	17,55	14,95		16,05	17,95	6,11	Đ	
44	12A7	Nguyễn Mạnh Tú	18.12.2003	KHXXH	2,50	4,80	2,60	3,25	3,00	3,75				8,75	9,90	9,90	4,86	H	
45	12A7	Lê Anh Tuấn	29.07.2003	KHXXH	3,00	3,40	2,80	4,00	3,75	4,00				10,75	9,20	10,75	4,84	H	
46	12A7	Nguyễn Anh Tuấn	15.07.2003	KHXXH	4,50	7,00	3,20	4,00	5,00	5,50				13,50	14,70	14,70	5,69	Đ	
47	12A7	Nguyễn Thanh Vân	21.01.2003	KHTN	4,50	5,40	2,40	4,50	3,75	3,25	13,65	12,30	12,40		12,30	13,65	5,57	Đ	
48	12A7	Lê Văn Vũ	07.09.2003	KHXXH	2,25	5,00	3,60	5,00	6,50	5,00				13,75	10,85	13,75	5,34	Đ	
	12A7 Average				4,24	5,43	3,35	4,22	4,80	4,38	15,53	14,05	14,93	13,16	13,02	14,78	5,67		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A8	Lê Tuấn Anh	09.04.2003	KHXXH	3,50	5,60	3,00	5,75	5,50	5,25				14,75	12,10	14,75	5,62	Đ	
2	12A8	Nguyễn Văn Duy Anh	30.04.2003	KHXXH	6,00		3,40	4,75	4,50	5,75				15,25	13,80	15,25	5,83	Đ	Sai MĐ
3	12A8	Nguyễn Thị Linh Chi	26.12.2003	KHXXH	5,75	7,00	2,60	4,75	4,75	5,00				15,25	15,35	15,35	6,22	Đ	
4	12A8	Phạm Mạnh Cường	09.05.2003	KHXXH	4,00	4,00	3,60	4,25	4,00	5,50				12,25	11,60	12,25	5,25	Đ	
5	12A8	Mai Thị Hà Giang	16.10.2003	KHXXH	4,00	4,80	3,80	6,00	3,75	3,75				13,75	12,60	13,75	5,56	Đ	
6	12A8	Lê Thị Hà	23.01.2003	KHXXH	7,25	7,00	3,80	5,75	5,50	6,00				18,50	18,05	18,50	6,89	Đ	
7	12A8	Nguyễn Thị Ngọc Hà	17.07.2003	KHXXH	3,75	5,80	2,80	3,00	5,75	6,00				12,50	12,35	12,50	5,62	Đ	
8	12A8	Phạm Ngọc Hà	11.08.2003	KHXXH	4,50	5,60	2,80	5,50	6,00	5,50				16,00	12,90	16,00	5,91	Đ	
9	12A8	Nguyễn Thị Thúy Hằng	09.12.2003	KHTN	2,75	6,00	3,00	4,75	4,25	5,00	15,00	13,75	15,25		11,75	15,25	5,56	Đ	
10	12A8	Đỗ Thu Hiền	13.10.2003	KHXXH	5,75	4,00	3,80	4,50	5,00	5,75				15,25	13,55	15,25	5,95	Đ	
11	12A8	Nguyễn Thị Hiền	13.03.2003	KHXXH	5,50	3,00	3,40	4,00	5,25	7,00				14,75	11,90	14,75	5,57	Đ	
12	12A8	Lê Minh Hiều	05.08.2003	KHXXH	4,25	7,40	4,40	3,75	4,25	5,00				12,25	16,05	16,05	6,08	Đ	
13	12A8	Quách Thị Hoa	03.02.2003	KHXXH	5,50	4,00	3,20	3,75	5,75	6,00				15,00	12,70	15,00	5,70	Đ	
14	12A8	Phạm Mạnh Hùng	09.05.2003	KHXXH	4,75	3,00	2,20	3,00	4,25	5,75				12,00	9,95	12,00	4,89	H	
15	12A8	Nguyễn Thị Minh Hương	13.08.2003	KHXXH	7,00		3,80							15,25	16,40	16,40	6,33	Đ	SBD+MĐ
16	12A8	Nguyễn Quang Huy	04.09.2003	KHTN	2,00	5,80	3,40	4,00	5,75	3,50	15,55	13,20	15,05		11,20	15,55	5,45	Đ	
17	12A8	Nguyễn Đình Lâm	14.09.2003	KHXXH	4,00	5,00	5,00	2,75	3,00	5,25				9,75	14,00	14,00	5,42	Đ	
18	12A8	Vũ Bá Luân	15.06.2003	KHTN	4,50	7,20	4,20	4,75	4,75	3,25	16,70	16,15	15,20		15,90	16,70	6,13	Đ	
19	12A8	Nguyễn Thị Khánh Ly	02.09.2003	KHXXH	6,00	4,40	3,60	3,50	4,75	5,50				14,25	14,00	14,25	5,82	Đ	
20	12A8	Lê Quang Mạnh	29.11.2003	KHXXH	5,00	6,40	2,60	5,00	6,50	5,50				16,50	14,00	16,50	6,07	Đ	
21	12A8	Lê Thị Hiền Minh	13.08.2003	KHXXH	6,75	5,40	4,20	4,50	5,50	5,50				16,75	16,35	16,75	6,37	Đ	
22	12A8	Bùi Văn Nam	21.01.2003	KHXXH	6,25	4,60	2,40	4,50	5,00	5,50				15,75	13,25	15,75	5,82	Đ	
23	12A8	Mai Nhật Nam	15.10.2003	KHXXH	5,00	4,20	3,40	5,75	7,75	4,50				18,50	12,60	18,50	5,68	Đ	
24	12A8	Nguyễn Quý Nam	07.03.2003	KHXXH	2,50	4,40	2,60	4,25	7,25	4,00				14,00	9,50	14,00	5,05	Đ	
25	12A8	Nguyễn Thị Nhàn	07.12.2003	KHXXH	6,25	6,60	3,60	4,75	6,00	6,25				17,00	16,45	17,00	6,62	Đ	
26	12A8	Nguyễn Ngọc Ánh Nhi	06.10.2003	KHXXH	6,50	7,60	4,80	3,50	3,75	5,50				13,75	18,90	18,90	6,71	Đ	
27	12A8	Lê Thị Kiều Oanh	19.11.2003	KHXXH	5,50	5,80	4,80	3,25	4,50	5,50				13,25	16,10	16,10	6,31	Đ	
28	12A8	Lê Văn Quyền	04.03.2003	KHTN	5,25	7,00	3,40	5,50	5,25	5,00	17,75	15,90	17,25		15,65	17,75	6,44	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A8	Đào Quang Thắng	15.02.2003	KHTN	6,00	6,80	3,80	4,50	7,25	2,50	18,55	15,10	16,55		16,60	18,55	6,58	Đ	
30	12A8	Lê Minh Thành	19.01.2003	KHXXH	4,00	3,80	4,60	2,25	3,75	3,25				10,00	12,40	12,40	5,10	Đ	
31	12A8	Lê Phương Thảo	29.06.2003	KHXXH	4,50	5,00	3,20	3,75	4,25	4,75				12,50	12,70	12,70	5,45	Đ	
32	12A8	Nguyễn Thị Thu	06.01.2003	KHXXH	5,50	6,80	7,80	4,25	4,75	6,00				14,50	20,10	20,10	7,17	Đ	
33	12A8	Lê Công Thuận	26.11.2003	KHXXH	3,50	3,60	2,80	2,75	4,50	6,25				10,75	9,90	10,75	4,91	H	
34	12A8	Lê Thị Thúy	11.04.2003	KHXXH	6,00	6,40	3,60	4,75	4,75	6,75				15,50	16,00	16,00	6,50	Đ	
35	12A8	Mai Thị Huyền Trang	29.12.2003	KHXXH	5,75	3,00	3,20	3,50	4,50	6,00				13,75	11,95	13,75	5,45	Đ	
36	12A8	Nguyễn Thành Trung	25.11.2003	KHXXH	4,75	2,60	1,40	2,25	3,50	4,25				10,50	8,75	10,50	4,38	H	
37	12A8	Nguyễn Anh Tuấn	10.01.2003	KHTN	3,25	7,40	3,80	3,75	5,00	3,25	16,15	14,95	15,65		14,45	16,15	5,92	Đ	
38	12A8	Lê Văn Ước	21.08.2003	KHTN	2,50	6,20	2,60	3,50	3,25	3,00	12,95	12,30	12,45		11,30	12,95	5,15	Đ	
39	12A8	Nguyễn Văn Việt	22.08.2003	KHXXH	6,00	3,60	3,00	4,50	5,75	6,75				16,25	12,60	16,25	5,77	Đ	
40	12A8	Trịnh Long Vũ	23.01.2003	KHXXH	5,75	5,80	4,40	5,25	5,00	4,75				16,00	15,95	16,00	6,30	Đ	
	12A8 Average				4,93	5,32	3,55	4,20	4,98	5,15	16,09	14,48	15,34	14,30	13,79	15,27	5,84		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A9	Lê Hoàng Phương Anh	19.09.2003	KHXXH	6,75	4,60	5,00							16,00	16,35	16,35	6,41	Đ	Sai SBD
2	12A9	Nguyễn Diệp Anh	04.07.2003	KHXXH	6,75	5,40	6,80	5,50	4,75	6,00				17,00	18,95	18,95	7,04	Đ	
3	12A9	Nguyễn Đức Anh	04.05.2003	KHXXH	7,00	6,60	7,80	4,50	4,75	7,00				16,25	21,40	21,40	7,38	Đ	
4	12A9	Nguyễn Hồng Anh	01.12.2003	KHXXH	7,75	6,40	8,00	4,75	5,50	6,75				18,00	22,15	22,15	7,74	Đ	
5	12A9	Nguyễn Minh Anh	15.07.2003	KHXXH	7,75	8,20	8,20	5,50	4,25	7,00				17,50	24,15	24,15	8,04	Đ	
6	12A9	Lê Thu Chang	23.12.2003	KHXXH	7,25	6,20	6,60	4,00	5,00	5,75				16,25	20,05	20,05	7,15	Đ	
7	12A9	Nguyễn Thị Chinh	13.11.2003	KHXXH	7,00	6,00	7,40	4,50	5,00	6,75				16,50	20,40	20,40	7,24	Đ	
8	12A9	Phạm Thị Chúc	12.03.2003	KHXXH	7,75	8,00	7,60	6,00	6,25	7,00				20,00	23,35	23,35	8,05	Đ	
9	12A9	Phạm Lương Đạt	23.11.2003	KHXXH	7,50	8,60	9,20	6,25	6,75	6,00				20,50	25,30	25,30	8,35	Đ	
10	12A9	Trần Mỹ Dung	07.02.2003	KHXXH	5,25	3,40	3,40	4,00	4,00	6,50				13,25	12,05	13,25	5,73	Đ	
11	12A9	Nguyễn Việt Hà	12.11.2003	KHXXH	6,25	5,20	5,00	5,75	5,25	4,50				17,25	16,45	17,25	6,50	Đ	
12	12A9	Phạm Thị Hà	17.08.2003	KHXXH	6,50	6,80	7,00	6,75	2,75	6,25				16,00	20,30	20,30	7,28	Đ	
13	12A9	Phạm Thị Ngọc Hà	15.01.2003	KHXXH	6,75	6,00	6,80	5,50	6,75	5,00				19,00	19,55	19,55	7,18	Đ	
14	12A9	Nguyễn Xuân Hạ	20.02.2003	KHXXH	7,75	5,20	5,40	5,50	5,50	5,50				18,75	18,35	18,75	7,04	Đ	
15	12A9	Vương Thị Hiền	25.09.2003	KHXXH	6,25	4,60	4,00	5,00	4,50	5,25				15,75	14,85	15,75	6,18	Đ	
16	12A9	Phạm Như Hiền	16.10.2003	KHXXH	6,50	6,00	8,80	2,75	3,50	4,00				12,75	21,30	21,30	7,14	Đ	
17	12A9	Nguyễn Minh Hiếu	15.03.2003	KHXXH	7,75	8,00	8,80	4,75	4,50	4,50				17,00	24,55	24,55	8,09	Đ	
18	12A9	Nguyễn Thu Hòa	14.03.2003	KHXXH	7,00	7,40	8,60	4,75	6,50	6,00				18,25	23,00	23,00	7,99	Đ	
19	12A9	Nguyễn Thu Hương	20.05.2003	KHXXH	7,00	4,00	5,00	3,50	4,25	3,50				14,75	16,00	16,00	6,27	Đ	
20	12A9	Nguyễn Thị Thu Kiều	04.08.2003	KHXXH	7,50	6,00	8,20	4,25	5,50	6,25				17,25	21,70	21,70	7,57	Đ	
21	12A9	Phùng Thị Khánh Lệ	12.01.2003	KHXXH	7,50	7,40	9,40	5,50	5,75	8,00				18,75	24,30	24,30	8,34	Đ	
22	12A9	Nguyễn Thùy Linh	06.09.2003	KHXXH	6,50	7,40	9,00	3,50	4,25	7,25				14,25	22,90	22,90	7,72	Đ	
23	12A9	Lê Thị Mai	03.02.2003	KHXXH	6,00	6,00	6,20	6,25	6,00	5,75				18,25	18,20	18,25	6,96	Đ	
24	12A9	Nguyễn Ngọc Mai	11.03.2003	KHXXH	7,25	7,40	7,60	4,50	5,00	4,75				16,75	22,25	22,25	7,66	Đ	
25	12A9	Hoàng Thị Trà My	14.06.2003	KHXXH	7,00	6,80	8,40	4,50	3,75	6,00				15,25	22,20	22,20	7,62	Đ	
26	12A9	Quách Trà My	23.11.2003	KHXXH	5,00	6,80	5,00	5,50	7,75	6,50				18,25	16,80	18,25	7,05	Đ	
27	12A9	Phạm Thị Nga	01.01.2003	KHXXH	7,00	8,00	9,00	3,50	6,25	8,25				16,75	24,00	24,00	8,03	Đ	
28	12A9	Nguyễn Thu Ngân	31.10.2003	KHXXH	5,50	3,80	3,40	3,25	4,75	6,50				13,50	12,70	13,50	5,82	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A9	Ngô Hồng Ngọc	10.06.2003	KHXXH	7,25	7,60	8,60	4,75	7,50	7,50				19,50	23,45	23,45	8,22	Đ	
30	12A9	Nguyễn Như Ngọc	18.01.2003	KHXXH	6,25	5,60	8,80	4,75	4,75	4,50				15,75	20,65	20,65	7,21	Đ	
31	12A9	Nguyễn Thị Ngọc	26.10.2003	KHXXH	6,00	4,40	5,40	5,00	6,25	8,00				17,25	15,80	17,25	6,67	Đ	
32	12A9	Trần Thảo Nguyên	14.11.2003	KHXXH	7,50	6,20	7,20	4,50	6,25	5,75				18,25	20,90	20,90	7,43	Đ	
33	12A9	Lê Bình Nhi	14.05.2003	KHXXH	4,50	7,40	8,60	5,00	5,50	7,25				15,00	20,50	20,50	7,34	Đ	
34	12A9	Phạm Thu Phương	27.07.2003	KHXXH	5,50	7,40	6,80	3,50	4,00	6,25				13,00	19,70	19,70	7,06	Đ	
35	12A9	Lê Đức Quang	18.03.2002	KHXXH	5,50	6,20	8,80	3,50	4,25	5,00				13,25	20,50	20,50	7,11	Đ	
36	12A9	Phạm Như Quỳnh	12.12.2003	KHXXH	7,50	8,20	9,20	5,50	6,25	8,00				19,25	24,90	24,90	8,29	Đ	
37	12A9	Nguyễn Hà Minh Sơn	03.09.2003	KHXXH	5,00	6,20	6,60	1,50	2,25	4,75				8,75	17,80	17,80	6,51	Đ	
38	12A9	Nguyễn Hải Thanh	27.09.2003	KHXXH	7,75	7,60	8,60	6,75	6,75	7,75				21,25	23,95	23,95	8,42	Đ	
39	12A9	Lương Thị Thảo	23.04.2003	KHXXH	6,75	6,00	9,00	5,00	5,75	6,75				17,50	21,75	21,75	7,70	Đ	
40	12A9	Nguyễn Thị Phương Thảo	07.08.2003	KHXXH	7,00	6,80	8,80	4,50	4,75	5,25				16,25	22,60	22,60	7,73	Đ	
41	12A9	Trần Thanh Thảo	14.10.2003	KHXXH	6,50	3,60	4,20	3,50	4,25	5,00				14,25	14,30	14,30	6,06	Đ	
42	12A9	Hà Thủy Tiên	03.11.2003	KHXXH	8,00	7,40	8,40	3,75	6,00	7,00				17,75	23,80	23,80	8,04	Đ	
43	12A9	Nguyễn Thị Huyền Trang	14.12.2003	KHXXH	7,50	7,60	9,00	3,50	5,75	6,25				16,75	24,10	24,10	8,02	Đ	
44	12A9	Nguyễn Vũ Huyền Trang	10.04.2003	KHXXH	6,75	6,80	8,00	4,75	5,75	5,25				17,25	21,55	21,55	7,62	Đ	
45	12A9	Vũ Thị Trang	30.06.2003	KHXXH	6,50	6,60	7,60	5,25	6,50	6,50				18,25	20,70	20,70	7,56	Đ	
46	12A9	Nguyễn Anh Tuấn	28.06.2003	KHXXH	5,75	7,00	5,60	4,25	4,50	6,00				14,50	18,35	18,35	6,79	Đ	
47	12A9	Phạm Thị Tuyên	23.08.2003	KHXXH	8,00	7,00	9,00	4,50	5,25	7,50				17,75	24,00	24,00	8,05	Đ	
48	12A9	Lê Hoàng Vũ	05.07.2003	KHXXH	5,50	3,60	4,80	3,25	5,25	4,25				14,00	13,90	14,00	5,90	Đ	
49	12A9	Đoàn Hải Yên	06.10.2003	KHXXH	6,50	4,80	8,60	4,50	5,50	7,25				16,50	19,90	19,90	7,30	Đ	
	12A9 Average				6,72	6,33	7,29	4,61	5,24	6,10				16,57	20,34	20,49	7,32		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A10	Lê Thị Lan Anh	11.07.2003	KHXXH	6,50	6,00	5,00	5,50	6,75	4,50				18,75	17,50	18,75	6,88	Đ	
2	12A10	Nguyễn Minh Anh	03.11.2003	KHXXH	3,75	2,60	2,40	5,00	5,75	5,00				14,50	8,75	14,50	5,20	Đ	
3	12A10	Nguyễn Ngọc Anh	10.11.2003	KHXXH	5,25	6,40	5,60	5,75	6,25	5,75				17,25	17,25	17,25	6,80	Đ	
4	12A10	Nguyễn Thị Lan Anh	14.08.2003	KHXXH	4,75	4,60	4,20	7,75	6,75	5,25				19,25	13,55	19,25	6,21	Đ	
5	12A10	Nguyễn Vân Anh	05.12.2003	KHXXH	6,25	7,00	7,40	5,25	5,75	7,75				17,25	20,65	20,65	7,58	Đ	
6	12A10	Nguyễn Văn Tuấn Anh	22.10.2003	KHXXH	7,75	5,80	3,00	7,00	4,00	5,25				18,75	16,55	18,75	6,62	Đ	
7	12A10	Lê Ngọc Anh	11.08.2003	KHXXH	6,25	6,40	5,40	4,75	3,75	7,00				14,75	18,05	18,05	6,75	Đ	
8	12A10	Vũ Trần Nhật Anh	28.12.2003	KHXXH	7,00	7,00	7,80	7,00	6,00	7,25				20,00	21,80	21,80	7,81	Đ	
9	12A10	Nguyễn Thị Bình	17.12.2003	KHXXH	5,25	7,60	5,80	4,00	4,25	3,75				13,50	18,65	18,65	6,74	Đ	
10	12A10	Lê Kim Chi	11.12.2003	KHXXH	6,75	6,60	6,20	3,50	5,00	5,00				15,25	19,55	19,55	7,02	Đ	
11	12A10	Lê Thị Kim Chi	08.02.2003	KHXXH	6,25	6,00	6,60	4,00	6,25	7,00				16,50	18,85	18,85	7,06	Đ	
12	12A10	Nguyễn Thị Chúc	12.10.2003	KHXXH	4,75	7,20	5,00	3,75	3,50	4,50				12,00	16,95	16,95	6,40	Đ	
13	12A10	Nguyễn Thị Thúy Diệu	30.01.2003	KHXXH	5,00	8,00	6,60	4,50	5,75	5,00				15,25	19,60	19,60	7,22	Đ	
14	12A10	Đỗ Thị Mỹ Giang	26.10.2003	KHXXH	5,50	7,80	3,40	5,75	4,00	5,75				15,25	16,70	16,70	6,64	Đ	
15	12A10	Trần Thị Mỹ Hạnh	15.10.2003	KHXXH	5,00	5,80	4,80	5,00	6,00	5,00				16,00	15,60	16,00	6,41	Đ	
16	12A10	Lê Thanh Hiền	29.11.2003	KHXXH	6,25	5,20	5,20	5,00	5,25	7,25				16,50	16,65	16,65	6,74	Đ	
17	12A10	Lê Thu Hiền	28.10.2003	KHXXH	6,25	6,40	6,40	4,00	5,50	5,75				15,75	19,05	19,05	7,09	Đ	
18	12A10	Hoàng Thị Mai Hương	22.07.2003	KHXXH	6,75	6,60	5,80	4,00	6,25	6,75				17,00	19,15	19,15	7,03	Đ	
19	12A10	Nguyễn Thị Huyền	21.07.2003	KHXXH	7,00	4,20	5,80	3,75	4,50	5,75				15,25	17,00	17,00	6,60	Đ	
20	12A10	Tạ Ngọc Huyền	09.06.2003	KHXXH	6,00	6,20	4,20	3,00	2,25	3,75				11,25	16,40	16,40	6,12	Đ	
21	12A10	Nguyễn Văn Kiên	01.04.2003	KHXXH	6,25	7,20	5,80	4,75	5,50	6,25				16,50	19,25	19,25	7,11	Đ	
22	12A10	Nguyễn Thị Lan	14.11.2003	KHXXH	5,25	5,60	4,40	3,50	3,75	4,25				12,50	15,25	15,25	6,03	Đ	
23	12A10	Nguyễn Thị Phương Lan	28.03.2003	KHXXH	5,75	5,60	3,80	2,75	4,75	4,25				13,25	15,15	15,15	6,06	Đ	
24	12A10	Lương Thảo Liên	27.06.2003	KHXXH	6,00	3,60	5,60	3,75	6,25	6,00				16,00	15,20	16,00	6,25	Đ	
25	12A10	Nguyễn Hồng Liên	14.03.2003	KHXXH	6,00	5,00	6,60	3,75	7,00	5,75				16,75	17,60	17,60	6,82	Đ	
26	12A10	Quách Thị Liên	20.01.2003	KHXXH	6,75	6,40	8,80	3,25	4,50	7,50				14,50	21,95	21,95	7,60	Đ	
27	12A10	Lê Thị Phương Linh	09.07.2003	KHXXH	5,25	5,60	5,20	5,00	5,75	5,50				16,00	16,05	16,05	6,48	Đ	
28	12A10	Nguyễn Thị Thủy Linh	15.11.2003	KHXXH	3,75	4,20	3,40	3,25	3,50	4,25				10,50	11,35	11,35	5,32	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A10	Phạm Thị Phương Linh	04.12.2003	KHXXH	6,00	6,00	4,60	6,75	6,50	5,25				19,25	16,60	19,25	6,76	Đ	
30	12A10	Nguyễn Như Khánh Ly	01.06.2003	KHXXH	7,00	3,40	5,60	4,50	6,00	7,25				17,50	16,00	17,50	6,59	Đ	
31	12A10	Đào Thị Kiều Mai	11.01.2003	KHXXH	6,00	6,00	5,80	4,50	5,25	6,75				15,75	17,80	17,80	6,98	Đ	
32	12A10	Trần Đức Mạnh	28.09.2003	KHXXH	5,25	4,40	4,40	2,75	4,25	2,25				12,25	14,05	14,05	5,66	Đ	
33	12A10	Lê Thị Nga	17.07.2003	KHXXH	5,50	6,60	5,60	4,50	5,25	6,00				15,25	17,70	17,70	6,80	Đ	
34	12A10	Lương Thị Thúy Nga	04.09.2003	KHXXH	5,75	4,20	5,60	5,00	3,50	4,50				14,25	15,55	15,55	6,23	Đ	
35	12A10	Nguyễn Thị Kim Ngân	05.01.2003	KHXXH	7,00	5,20	3,80	3,75	4,50	6,75				15,25	16,00	16,00	6,49	Đ	
36	12A10	Trần Thu Ngân	18.12.2003	KHXXH	5,00	5,00	4,20	6,50	7,25	8,25				18,75	14,20	18,75	6,49	Đ	
37	12A10	Trần Thúy Ngân	03.07.2003	KHXXH	6,50	5,40	3,40	3,00	5,75	7,50				15,25	15,30	15,30	6,44	Đ	
38	12A10	Nguyễn Thị Bích Ngọc	04.03.2003	KHXXH	7,00	6,80	7,20	5,00	6,25	6,75				18,25	21,00	21,00	7,60	Đ	
39	12A10	Lê Minh Nguyệt	01.09.2003	KHXXH	6,75	5,80	7,40	1,75	2,75	2,75				11,25	19,95	19,95	6,72	Đ	
40	12A10	Nguyễn Thị Nhung	16.06.2003	KHXXH	7,00	5,40	5,20	4,50	4,00	6,75				15,50	17,60	17,60	6,75	Đ	
41	12A10	Lê Văn Quân	14.09.2003	KHXXH	6,25	7,40	5,60	3,00	6,00	6,00				15,25	19,25	19,25	6,99	Đ	
42	12A10	Mai Thu Quyên	04.02.2003	KHXXH	3,75	5,20	7,60	3,75	5,00	5,00				12,50	16,55	16,55	6,48	Đ	
43	12A10	Đào Hương Quỳnh	14.01.2003	KHXXH	5,75	6,40	3,40	4,50	4,25	5,50				14,50	15,55	15,55	6,27	Đ	
44	12A10	Nguyễn Thị Như Quỳnh	30.12.2002	KHXXH	5,00	5,20	5,00	4,00	4,75	4,50				13,75	15,20	15,20	6,21	Đ	
45	12A10	Nguyễn Đăng Tuấn Sơn	24.11.2003	KHXXH	5,75	5,20	5,60	3,50	5,75	6,00				15,00	16,55	16,55	6,45	Đ	
46	12A10	Nguyễn Mỹ Tâm	05.03.2003	KHXXH	7,75	5,80	7,80	5,75	5,75	7,25				19,25	21,35	21,35	7,64	Đ	
47	12A10	Lê Thị Thảo	03.10.2003	KHXXH	6,25	7,60	7,00	5,75	7,25	9,00				19,25	20,85	20,85	7,74	Đ	
48	12A10	Nguyễn Thu Trang	22.10.2003	KHXXH	7,00	5,80	3,80	4,25	4,50	6,50				15,75	16,60	16,60	6,48	Đ	
49	12A10	Nguyễn Quang Tùng	18.10.2003	KHXXH	1,50	3,00	2,80	2,75	2,50	2,25				6,75	7,30	7,30	4,26	H	
	12A10 Average				5,86	5,76	5,34	4,45	5,13	5,70				15,44	16,96	17,47	6,62		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A11	Lê Thị An	05.11.2003	KHXXH	5,75	3,20	5,20	4,25	4,75	3,75				14,75	14,15	14,75	6,03	Đ	
2	12A11	Lê Ngọc Anh	26.09.2003	KHXXH	4,25	5,20	5,20	3,50	4,75	4,75				12,50	14,65	14,65	6,01	Đ	
3	12A11	Nguyễn Mai Anh	24.01.2003	KHXXH	5,75	5,80	3,20	4,25	5,50	4,25				15,50	14,75	15,50	6,15	Đ	
4	12A11	Nguyễn Thị Minh Anh	27.12.2003	KHXXH	4,25	5,00	3,60	5,00	5,50	4,50				14,75	12,85	14,75	5,81	Đ	
5	12A11	Nguyễn Ngọc Anh	30.06.2003	KHXXH	3,50	4,00	4,20	3,50	3,75	5,25				10,75	11,70	11,70	5,41	Đ	
6	12A11	Trần Ngọc Anh	21.05.2003	KHXXH	1,50	5,60	3,60	2,50	1,25	3,75				5,25	10,70	10,70	4,85	H	
7	12A11	Vũ Thị Bình	25.05.2003	KHXXH	7,25	5,20		3,50	4,25	5,75				15,00	18,45	18,45	6,77	Đ	Sai MĐ
8	12A11	Nguyễn Hữu Cảnh	11.09.2003	KHXXH	3,50	6,00	5,00	3,75	5,75	4,25				13,00	14,50	14,50	5,94	Đ	
9	12A11	Lê Linh Chi	06.01.2003	KHXXH	6,00	6,40	4,20	4,00	3,25	5,00				13,25	16,60	16,60	6,40	Đ	
10	12A11	Lê Thị Thùy Dung	04.08.2003	KHXXH	4,75	6,00	4,80	6,75	6,75	6,00				18,25	15,55	18,25	6,52	Đ	
11	12A11	Nguyễn Thị Giang	10.05.2003	KHTN	3,50	6,00	2,00	2,75	5,25	4,25	14,00	10,75	15,50		11,50	15,50	5,45	Đ	
12	12A11	Phạm Phương Hà	18.01.2003	KHXXH	4,25	6,00	2,80	3,25	5,75	5,25				13,25	13,05	13,25	5,75	Đ	
13	12A11	Lê Thị Thu Hằng	21.11.2003	KHXXH	6,00	4,00	2,40	3,75	5,75	4,25				15,50	12,40	15,50	5,60	Đ	
14	12A11	Đặng Hồng Hạnh	21.11.2003	KHXXH	4,50	4,40	5,80	4,50	5,75	5,25				14,75	14,70	14,75	6,17	Đ	
15	12A11	Nguyễn Thị Hạnh	12.04.2003	KHXXH	5,00	3,60	7,60	5,00	4,50	7,00				14,50	16,20	16,20	6,55	Đ	
16	12A11	Phạm Thị Hồng	21.07.2003	KHXXH	2,75	3,20	3,60	3,50	4,75	4,75				11,00	9,55	11,00	4,94	H	
17	12A11	Bùi Thu Hương	15.05.2003	KHXXH	7,00	5,20	4,20	4,75	4,00	6,75				15,75	16,40	16,40	6,52	Đ	
18	12A11	Lê Quang Huy	12.06.2003	KHXXH	3,25	2,40	4,00	4,00	2,75	4,75				10,00	9,65	10,00	4,84	H	
19	12A11	Lê Thị Huyền	14.09.2003	KHXXH	2,50	3,80	4,20	5,25	4,50	6,50				12,25	10,50	12,25	5,48	Đ	
20	12A11	Nguyễn Thị Thu Huyền	18.08.2003	KHXXH	4,75	4,20	3,20	3,75	5,75	4,75				14,25	12,15	14,25	5,65	Đ	
21	12A11	Nguyễn Phúc Kiên	19.08.2003	KHXXH	3,00	3,80	2,00	3,00	4,50	5,75				10,50	8,80	10,50	4,82	H	
22	12A11	Đào Thị Kiều Linh	02.10.2003	KHXXH	6,75	3,80	3,40	3,75	6,75	4,50				17,25	13,95	17,25	5,98	Đ	
23	12A11	Trịnh Linh Linh	10.09.2003	KHXXH	4,00	4,80	4,40	3,25	4,75	6,00				12,00	13,20	13,20	5,76	Đ	
24	12A11	Nguyễn Thị Loan	22.05.2003	KHXXH	3,50	3,60	3,40	2,25	3,75	5,00				9,50	10,50	10,50	5,11	Đ	
25	12A11	Nguyễn Thị Hương Ly	01.05.2003	KHXXH	3,50	5,80	3,40	4,25	5,50	6,75				13,25	12,70	13,25	5,94	Đ	
26	12A11	Quách Thị Tuyết Mai	01.05.2003	KHXXH	6,00	4,60	5,00	3,50	4,75	5,50				14,25	15,60	15,60	6,22	Đ	
27	12A11	Huỳnh Thị Nga	19.11.2003	KHXXH	5,75	4,40	2,20	3,50	4,50	6,50				13,75	12,35	13,75	5,73	Đ	
28	12A11	Nguyễn Thị Phương Nga	13.08.2003	KHXXH	6,00	5,80	3,40							15,75	15,20	15,75	6,33	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A11	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	28.08.2003	KHXXH	6,25	5,80	3,40	4,75	5,00	6,75				16,00	15,45	16,00	6,42	Đ	
30	12A11	Đào Ánh Nguyệt	04.02.2003	KHXXH	4,00	3,20	3,80	5,25	7,25	5,25				16,50	11,00	16,50	5,62	Đ	
31	12A11	Trần Thị Oanh	05.08.2003	KHXXH	4,50	6,00	7,80	4,00	4,50	4,25				13,00	18,30	18,30	6,73	Đ	
32	12A11	Lương Thu Phương	16.09.2003	KHXXH	2,25	5,60	7,00	3,50	3,00	3,25				8,75	14,85	14,85	5,65	Đ	
33	12A11	Đỗ Hồng Quân	06.08.2003	KHXXH	5,00	5,00	8,00	3,75	6,00	5,50				14,75	18,00	18,00	6,64	Đ	
34	12A11	Nguyễn Phương Thanh	21.01.2003	KHXXH	5,25	5,00	3,20	3,00	3,25	4,25				11,50	13,45	13,45	5,66	Đ	
35	12A11	Nguyễn Thị Phương Thảo	01.10.2003	KHXXH	5,50	4,40	4,40	3,25	5,25	6,75				14,00	14,30	14,30	5,93	Đ	
36	12A11	Nguyễn Thị Minh Thi	19.07.2003	KHXXH	4,00	6,00	5,40	4,00	6,00	4,25				14,00	15,40	15,40	6,34	Đ	
37	12A11	Vũ Thị Anh Thơ	04.11.2003	KHXXH	4,50	6,80	4,80	3,25	4,50	5,25				12,25	16,10	16,10	6,30	Đ	
38	12A11	Nguyễn Thị Thoa	15.12.2003	KHXXH	3,00	4,60	3,00	4,50	4,00	5,00				11,50	10,60	11,50	5,18	Đ	
39	12A11	Lê Thị Minh Thư	05.11.2003	KHXXH	5,25	7,40	5,60	5,25	5,25	5,75				15,75	18,25	18,25	6,92	Đ	
40	12A11	Nguyễn Thúy Thúy	04.04.2003	KHXXH	5,00	4,40	5,80	4,00	5,50	6,00				14,50	15,20	15,20	6,22	Đ	
41	12A11	Dương Thị Quỳnh Trang	22.05.2003	KHXXH	3,50	4,40	2,80	3,25	2,75	4,50				9,50	10,70	10,70	5,09	Đ	
42	12A11	Hà Thùy Trang	11.08.2003	KHXXH	3,25	4,20	3,80	3,50	4,00	5,25				10,75	11,25	11,25	5,34	Đ	
43	12A11	Nguyễn Thị Trang	28.10.2003	KHTN	2,50	5,80	3,80	3,00	3,75	2,75	12,55	12,60	12,30		12,10	12,60	5,33	Đ	
44	12A11	Nguyễn Thị Trinh	27.09.2003	KHXXH	2,50	4,60	2,80	2,25	3,25	4,50				8,00	9,90	9,90	4,92	H	
45	12A11	Nguyễn Đình Tú	16.02.2003	KHXXH	1,50	5,00	2,80	5,00	4,50	4,50				11,00	9,30	11,00	4,95	H	
46	12A11	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	16.02.2003	KHXXH	4,50	5,60	5,80	4,50	4,75	7,00				13,75	15,90	15,90	6,51	Đ	
47	12A11	Lê Huy Văn	15.10.2003	KHXXH	1,00	3,40	3,20	4,00	3,75	4,50				8,75	7,60	8,75	4,61	H	
48	12A11	Nguyễn Thị Tường Vi	31.01.2003	KHXXH	4,00	4,00	3,00	4,50	5,00	5,75				13,50	11,00	13,50	5,41	Đ	
	12A11 Average				4,29	4,85	4,21	3,92	4,69	5,15	13,28	11,68	13,90	13,01	13,35	14,17	5,80		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lớp	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
1	12A12	Vũ Phương Anh	09.02.2003	KHXXH	6,25	4,20	4,60	3,50	5,25	3,75				15,00	15,05	15,05	6,11	Đ	
2	12A12	Hoàng Thị Kim Anh	08.02.2003	KHXXH	5,75		3,60	4,25	5,50	5,50				15,50	12,35	15,50	5,62	Đ	Sai MĐ
3	12A12	Lê Thị Anh	11.06.2003	KHXXH	4,00	3,00	3,00	2,75	4,00	6,50				10,75	10,00	10,75	5,09	Đ	
4	12A12	Lê Thị Chúc	02.11.2003	KHXXH	5,00		6,60	3,00	5,00	5,00				13,00	18,20	18,20	6,51	Đ	Sai MĐ
5	12A12	Phạm Thị Đào	20.05.2003	KHXXH	6,50	5,20	4,20	5,25	4,50	6,00				16,25	15,90	16,25	6,36	Đ	
6	12A12	Vũ Thị Diệu	06.11.2003	KHXXH	4,25			4,25	2,00	5,75				10,50	12,65	12,65	5,48	Đ	Sai SBD+MĐ
7	12A12	Nguyễn Thị Thu Giang	10.07.2003	KHXXH	4,00	3,80	4,80	5,00	3,25	6,25				12,25	12,60	12,60	5,71	Đ	
8	12A12	Vũ Thị Giang	21.01.2003	KHXXH	4,25	3,60	2,40	4,25	1,75	4,50				10,25	10,25	10,25	5,04	Đ	
9	12A12	Đỗ Mỹ Hà	19.11.2003	KHXXH	2,25	2,80	4,60	3,25	3,75	3,75				9,25	9,65	9,65	5,10	Đ	
10	12A12	Phạm Thị Thu Hằng	05.07.2003	KHXXH	3,00	4,00	4,00	2,50	3,50	4,50				9,00	11,00	11,00	5,14	Đ	
11	12A12	Mai Thu Hiền	25.11.2003	KHXXH	1,25	4,60	2,60	2,00	1,00	4,25				4,25	8,45	8,45	4,32	H	Điểm liệt
12	12A12	Nguyễn Thị Hồng	29.09.2003	KHXXH	6,00	6,40	3,20	4,25	4,75	6,00				15,00	15,60	15,60	6,33	Đ	
13	12A12	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	10.08.2003	KHXXH	4,25	4,20	3,80	3,00	3,25	4,00				10,50	12,25	12,25	5,43	Đ	
14	12A12	Trình Quốc Huy	23.11.2003	KHXXH	2,00	5,40	6,40	4,25	5,00	6,75				11,25	13,80	13,80	6,01	Đ	
15	12A12	Nguyễn Thanh Huyền	11.07.2003	KHXXH	5,75	5,80	7,60	2,75	4,00	5,00				12,50	19,15	19,15	6,85	Đ	
16	12A12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	21.12.2003	KHXXH	5,50	5,40	4,00	3,50	4,25	5,25				13,25	14,90	14,90	6,03	Đ	
17	12A12	Nguyễn Thị Thu Huyền	17.12.2003	KHXXH	3,50	2,20	3,80	3,50	4,25	3,00				11,25	9,50	11,25	4,77	H	
18	12A12	Phạm Thu Huyền	23.03.2003	KHXXH	5,00	4,20	3,60	3,50	3,75	5,00				12,25	12,80	12,80	5,55	Đ	
19	12A12	Phạm Trung Kiên	16.08.2003	KHXXH	2,25	3,40	2,60	4,00	2,50	2,75				8,75	8,25	8,75	4,49	H	
20	12A12	Lê Thị Phương Linh	09.12.2003	KHXXH	5,00	5,40	3,60	4,00	4,00	5,75				13,00	14,00	14,00	5,91	Đ	
21	12A12	Nguyễn Thị Thùy Linh	28.07.2003	KHXXH	4,50	4,40	5,20	3,50	3,00	5,75				11,00	14,10	14,10	5,93	Đ	
22	12A12	Trần Phương Linh	25.12.2003	KHXXH	2,50	5,80	2,60	4,25	5,25	6,50				12,00	10,90	12,00	5,47	Đ	
23	12A12	Trần Thị Loan	01.09.2003	KHXXH	3,75	5,80	3,60	4,25	0,00	5,50				8,00	13,15	13,15	5,53	H	
24	12A12	Nguyễn Thị Mai	13.11.2003	KHXXH	3,75	5,00	3,60	3,00	4,50	6,50				11,25	12,35	12,35	5,67	Đ	
25	12A12	Nghiêm Thị Ngọc Mây	10.09.2003	KHXXH	4,25	4,80	2,00	5,00	4,25	5,00				13,50	11,05	13,50	5,34	Đ	
26	12A12	Nguyễn Bích Ngọc	02.09.2003	KHXXH	3,00	5,00	2,20	3,75	3,50	4,00				10,25	10,20	10,25	5,07	Đ	
27	12A12	Nguyễn Thị Bích Ngọc	24.08.2003	KHXXH	3,75	2,80	3,40	3,75	4,50	5,00				12,00	9,95	12,00	5,08	Đ	
28	12A12	Phạm Anh Nguyệt	16.04.2003	KHXXH	5,00	4,00	2,80	6,25	7,50	6,25				18,75	11,80	18,75	5,83	Đ	

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
Thống kê toàn trường để lớp so sánh:					4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
29	12A12	Nguyễn Thị Uyên Nhi	24.09.2003	KHXXH	7,50	7,60	7,80	6,00	6,25	6,00				19,75	22,90	22,90	7,94	Đ	
30	12A12	Nguyễn Thị Nhung	04.03.2003	KHXXH	4,25	5,00	4,80	4,25	3,75	5,75				12,25	14,05	14,05	5,98	Đ	
31	12A12	Nguyễn Kim Phong	13.10.2003	KHXXH	3,25	4,40	5,20	4,50	4,50	3,50				12,25	12,85	12,85	5,40	Đ	
32	12A12	Mai Thị Thu Phương	22.12.2003	KHXXH	2,50	4,20	8,60	5,00	3,50	5,00				11,00	15,30	15,30	6,07	Đ	
33	12A12	Phạm Thị Phương	21.11.2003	KHXXH	2,25	5,00	6,40	2,50	2,25	4,50				7,00	13,65	13,65	5,53	Đ	
34	12A12	Nguyễn Thị Quỳnh	28.06.2003	KHXXH	4,50	7,60	8,00	6,00	6,00	5,75				16,50	20,10	20,10	7,12	Đ	
35	12A12	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	05.02.2003	KHXXH	3,75	5,20	4,00	4,25	4,25	6,00				12,25	12,95	12,95	5,68	Đ	
36	12A12	Nguyễn Chí Tài	15.11.2003	KHXXH	5,25	5,60	4,60	4,25	6,00	5,00				15,50	15,45	15,50	6,16	Đ	
37	12A12	Lê Mỹ Tâm	30.05.2003	KHXXH	5,50	5,40	5,00	3,75	4,00	6,00				13,25	15,90	15,90	6,21	Đ	
38	12A12	Nguyễn Thị Thảo	17.04.2003	KHXXH	3,25	5,20	3,00	4,00	5,00	3,75				12,25	11,45	12,25	5,38	Đ	
39	12A12	Nguyễn Thị Thanh Thảo	20.09.2003	KHXXH	3,25	4,00	3,60	5,25	3,25	5,00				11,75	10,85	11,75	5,41	Đ	
40	12A12	Nguyễn Thu Thảo	05.11.2003	KHXXH	4,25	7,20	7,20	5,75	5,75	5,50				15,75	18,65	18,65	6,95	Đ	
41	12A12	Vương Huy Thuận	22.07.2003	KHXXH	3,00	4,40	3,40	3,25	3,25	3,75				9,50	10,80	10,80	5,12	Đ	
42	12A12	Nguyễn Như Thương	30.10.2003	KHXXH	3,00	3,60	3,80	4,25	4,25	5,25				11,50	10,40	11,50	5,19	Đ	
43	12A12	Đào Thị Huyền Trang	03.11.2003	KHXXH	2,00	6,20	4,20	4,50	6,00	6,00				12,50	12,40	12,50	5,79	Đ	
44	12A12	Nguyễn Thị Thùy Trang	22.09.2003	KHXXH	5,50	3,80	4,40	3,00	4,75	4,25				13,25	13,70	13,70	5,76	Đ	
45	12A12	Trần Thu Trang	22.12.2003	KHXXH	4,00	5,80	4,40	4,50	5,25	5,50				13,75	14,20	14,20	6,09	Đ	
46	12A12	Đỗ Thị Uyên	27.06.2003	KHXXH	5,25	4,80	6,20	5,25	5,50	6,00				16,00	16,25	16,25	6,54	Đ	
47	12A12	Nguyễn Hoàng Việt	22.10.2003	KHXXH	2,75	4,20	4,00	4,50	6,50	6,00				13,75	10,95	13,75	5,48	Đ	
48	12A12	Nguyễn Thị Hải Yên	06.10.2003	KHXXH	4,50	5,00	3,20	3,50	4,00	5,75				12,00	12,70	12,70	5,66	Đ	
49	12A12	Trần Thị Hoàng Yên	13.07.2003	KHXXH	5,00	3,60	3,60	4,00	2,75	5,25				11,75	12,20	12,20	5,56	Đ	
	12A12 Average				4,10	4,78	4,34	4,06	4,17	5,17				12,33	13,22	13,72	5,73		

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
		Thống kê toàn trường để lớp so sánh:			4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
	12A13	Tạ Đức Chí	06.07.2003	KHTN		8,40	9,60	8,50	4,75		21,65	26,50				26,50			T,L,NN
	12A13	Vũ Hải Hoàng	20.07.2003	KHTN		8,00	8,60	6,75	5,25		20,00	23,35				23,35			T,L,NN
	12A13	Đỗ Năng An	06.09.2003	KHTN		9,20		8,25	5,50		22,95					22,95			TLH
	12A13	Hoàng Việt Anh	31.12.2003	KHTN		7,40		6,75	5,25		19,40					19,40			TLH
	12A13	Ngô Mạnh Anh	03.04.2003	KHTN		8,60		6,75	7,00		22,35					22,35			TLH
	12A13	Nguyễn Công Bình	19.05.2003	KHTN		8,00		7,25	6,00		21,25					21,25			TLH
	12A13	Phạm Thị Linh Chi	13.07.2003	KHTN		7,60		8,50	6,00		22,10					22,10			TLH
	12A13	Đặng Thị Thanh Chúc	24.08.2003	KHTN		9,80		7,75	7,50		25,05					25,05			TLH
	12A13	Nguyễn Trọng Cường	11.08.2003	KHTN		9,80		9,00	7,25		26,05					26,05			TLH
	12A13	Đinh Thùy Dương	15.09.2003	KHTN		9,00		6,25	7,00		22,25					22,25			TLH
	12A13	Trần Mạnh Hùng	24.04.2002	KHTN		6,20		3,75	7,00		16,95					16,95			TLH
	12A13	Nguyễn Thị Nhã Linh	19.07.2003	KHTN		9,20		7,25	8,50		24,95					24,95			TLH
	12A13	Nguyễn Xuân Quý	02.05.2003	KHTN		8,80		8,00	6,25		23,05					23,05			TLH
	12A13	Nguyễn Thiên Sang	24.11.2003	KHTN		9,40		7,75	7,50		24,65					24,65			TLH
	12A13	Nguyễn Thị Xuân Thùy	12.03.2003	KHTN		8,40		7,50	7,25		23,15					23,15			TLH
	12A13	Mai Danh Thương	27.02.2003	KHTN		7,60		5,25	5,75		18,60					18,60			TLH
	12A13	Nguyễn Năng Trọng	31.01.2003	KHTN		9,00		7,25	6,50		22,75					22,75			TLH
	12A13	Đỗ Tiên Tùng	31.08.2003	KHTN		9,40		7,00	6,50		22,90					22,90			TLH
	12A13	Hoàng Hải Long	13.12.2003	KHTN		8,80		8,00	8,50		25,30					25,30			TLH
	12A13 Average					8,56	9,10	7,24	6,59		22,39	24,93				22,82			

KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 1 (2020 - 2021)

TT lop	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Tự chọn	Văn	Toán	Anh	SU/L I	DI/H O	CD/S I	A	A1	B	C	D	MAX	Điểm xét TN	Kết quả	Ghi chú
		Thống kê toàn trường để lớp so sánh:			4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30	35	Hồng TN
	11A7	Nguyễn Thùy Dung	06.01.2004				8,00					8,00			8,00	8,00			NN
	11A7	Nguyễn Mai Chi	02.12.2004				8,20					8,20			8,20	8,20			NN
	11A7	Phạm Thị Linh Chi	28.01.2004				5,40					5,40			5,40	5,40			NN
	11A7	Phạm Thị Hồng Hạnh	22.01.2004				7,40					7,40			7,40	7,40			NN
	11A7	Nguyễn Thị Mai Lan	08.06.2004				7,00					7,00			7,00	7,00			NN
	11A7	Lâm Thùy Linh	21.01.2004				7,60					7,60			7,60	7,60			NN
	11A7	Vũ Cẩm Ly	18.10.2004				8,40					8,40			8,40	8,40			NN
	11A7	Nguyễn Ngọc Mai	29.12.2004				8,00					8,00			8,00	8,00			NN
	11A7	Nguyễn Hồng Minh	20.05.2004				8,80					8,80			8,80	8,80			NN
	11A7	Tô Phương Nam	01.04.2004				8,80					8,80			8,80	8,80			NN
	11A7	Ngô Thu Nguyên	10.03.2004				6,80					6,80			6,80	6,80			NN
	11A7	Nguyễn Duy Quân	17.02.2004				7,20					7,20			7,20	7,20			NN
	11A7	Nghiêm Anh Thơ	29.05.2004				9,60					9,60			9,60	9,60			NN
	11A7	Lê Thị Thảo Vân	25.03.2004												0,00	0,00			Bỏ thi Anh
	11A7 Average						7,78					7,78			7,78	7,78			
	11A1	Nguyễn Gia Văn	24.06.2004				8,80					8,80			8,80	8,80			NN
	11A1 Average						8,80					8,80			8,80	8,80			
	11A7 Average														0,00	0,00			
	Grand Average				4,81	6,24	4,69	4,74	5,28	4,57	18,11	16,17	16,28	14,21	15,35	17,05	6,30		